

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

LÊ NGỌC DUNG

**SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC
TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU, MAI SƠN, SƠN LA.**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

SƠN LA, NĂM 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

LÊ NGỌC DUNG

**SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SỬ PHẠM TƯƠNG TÁC
TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU, MAI SƠN, SƠN LA.**

Chuyên ngành: Lí luận và phương pháp dạy học tiểu học

Mã số: 814 01 10

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Thị Thanh Hồng

SƠN LA, NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Lê Ngọc Dung

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo TS. Trần Thị Thanh Hồng - Người tận tình chỉ bảo, hướng dẫn tôi trong quá trình thực hiện luận văn thạc sĩ này. Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo, các bạn sinh viên trong khoa Tiểu học - Mầm non và giáo viên, học sinh Trường Tiểu học Tô Hiệu - huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn La đã giúp tôi hoàn thành luận văn đúng thời hạn.

Luận văn được thực hiện trong một thời gian ngắn và là công trình tập dượt đầu tiên nên gặp không ít khó khăn, hạn chế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được sự chỉ bảo của Thầy cô và góp ý của bạn bè để luận văn của tôi hoàn thiện hơn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Sơn La, tháng 10 năm 2017

Tác giả

Lê Ngọc Dung

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	7
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
5. Giả thiết khoa học của vấn đề nghiên cứu	9
6. Phương pháp nghiên cứu.....	9
7. Cấu trúc của luận văn	10
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	11
1.1. Cơ sở lý luận	11
1.1.1. Khái quát chung về PPSPTT.....	11
1.1.1.1. Một số khái niệm liên quan.....	11
1.1.1.2. Các nhân tố trong phương pháp sư phạm tương tác	12
1.1.1.3. Mối quan hệ và vai trò của các yếu tố trong môi tương tác.....	13
1.1.1.4. Bản chất của quá trình dạy học theo phương pháp sư phạm tương tác	17
1.1.2. Một số quan điểm chỉ đạo đổi mới giáo dục tiểu học	22
1.1.3. Cơ sở khoa học của dạy học TV 2 theo PPSPTT	26
1.1.3.1. Cơ sở tâm lý	26
1.1.3.2. Đặc điểm ngôn ngữ của HS	27
1.2. Cơ sở thực tiễn	28

1.2.2. Thực trạng sử dụng PPSPTT trong dạy học Tiếng Việt lớp 2 trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La	28
1.2.2.1. Đối với giáo viên.....	29
1.2.2.2. Đối với học sinh	33
1.2.3. Nguyên nhân của thực trạng	35
Tiểu kết chương 1.....	36
CHƯƠNG 2: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 2	Error!
Bookmark not defined.	
2.1. Một số yêu cầu về sử dụng PPSPTT trong dạy học TV cho HS	37
2.2. Vận dụng PPSPTT trong dạy học TV cho HS lớp 2.....	38
2.2.1. Phương pháp dạy học thảo luận nhóm	38
2.2.2. Phương pháp đàm thoại.....	43
2.2.3. Phương pháp thực hành.....	44
2.2.4. Phương pháp trò chơi	45
2.3. Hình thức dạy học	50
2.3.1. Học cá nhân trên lớp	50
2.3.2. Dạy học theo nhóm	54
Tiểu kết chương 2.....	56
CHƯƠNG 3 : THỰC NGHIỆM SỰ PHẠM	58
3.1. Những vấn đề chung	58
3.1.1. Mục đích thực nghiệm	58
3.1.2. Nội dung và tiêu chí đánh giá thực nghiệm	58
3.1.2.1. Nội dung thực nghiệm.....	58
3.1.2.2. Tiêu chí đánh giá.....	59
3.1.3. Đối tượng thực nghiệm	61
3.1.4. Thời gian, địa bàn thực nghiệm	61

3.1.5. Phương pháp thực nghiệm	62
3.2. Đánh giá kết quả thực nghiệm	62
3.2.1. Thiết kế giáo án thực nghiệm.....	62
3.2.1.1. Bài thiết kế giáo án dạy thực nghiệm.....	62
3.2.1.2. Phân tích thiết kế giáo án thực nghiệm	62
3.2.2. Đánh giá kết quả thực nghiệm	69
3.2.2.1. Bài Tập đọc: Chim rừng tây nguyên	69
3.2.2.2. Bài Tập làm văn: Chia vui. Kể về anh chị em	72
Tiểu kết chương 3.....	75
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	76
1. Kết luận	76
2. Khuyến nghị	77
TÀI LIỆU THAM KHẢO	79
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

ĐC: Đối chứng

HS: Học sinh

GV: Giáo viên

NXB: Nhà xuất bản

SGK: Sách giáo khoa

SGV: Sách giáo viên

TMD: Tiếng mẹ đẻ

TN: Thực nghiệm

TV: Tiếng Việt

HT: Hoàn thành

HTT: Hoàn thành tốt

CHT: Chưa hoàn thành

DH: Dạy học

PPDH: Phương pháp dạy học

KS: Khảo sát

SLGV: Số lượng giáo viên

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp nhận thức của GV về PPSPTT trong dạy học.....	30
Bảng 1.2. Tổng hợp về cảm nhận GV về tầm quan trọng của việc sử dụng PPSPTT trong dạy học môn TV lớp 2	31
Bảng 1.3. Tổng hợp các phương pháp được GV sử dụng trong dạy học TV cho HS lớp 2.....	31
Bảng 1.4. Tổng hợp mức độ hứng thú học môn TV của HS lớp 2	33
Bảng 1.5. Tổng hợp nội dung trả lời câu hỏi về học môn TV dễ hay khó của HS lớp 2.....	34
Bảng 1.6. Tổng hợp kết quả bài kiểm tra môn TV của HS lớp 2	34
Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và lớp ĐC về hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của HS.....	70
Bảng 3.2. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi	70
Bảng 3.3. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua thực hiện bài tập.....	71
Bảng 3.4: Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và lớp ĐC về hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của HS.....	73
Bảng 3.5. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi	73
Bảng 3.6. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua thực hiện bài tập.....	74

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Sự nghiệp giáo dục có vị trí quan trọng trong chiến lược xây dựng con người, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi một quốc gia. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo* đã chỉ rõ “Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời”. Theo tinh thần đó, các yếu tố của quá trình giáo dục trong nhà trường tiểu học cần được tiếp cận theo hướng đổi mới phương pháp dạy học để làm sao HS phải thực sự tích cực, chủ động, tự giác tìm tòi và sáng tạo trong quá trình học tập; tăng cường khả năng tự học, tự khám phá, tạo điều kiện cho những cố gắng vươn tới của học sinh bằng khả năng của mình, từ đó mà phát triển và hoàn thiện nhân cách của bản thân.

1.2. Hiện nay, có nhiều hướng đổi mới PPDH, một trong những phương pháp sư phạm phổ biến đang được áp dụng để nâng cao hiệu quả việc dạy và học các môn học ở Trường Tiểu học là sự tác động qua lại giữa các chủ thể như người dạy, người học và đối tượng dạy học cũng như toàn thể các thành phần của quá trình dạy học. Đây là phương pháp tiếp cận dựa trên sự tương tác giữa 3 yếu tố cơ bản là *người dạy, người học* và *môi trường* liên quan đến việc dạy và học. Trong đó yếu tố người học luôn được đề cao nhằm tạo ra sự tích cực chủ động và hiệu quả trong quá trình tiếp thu kiến thức, hình thành kỹ năng qua đó giúp người dạy và người học thu được hiệu quả cao nhất trong quá trình dạy và học.

1.3. Học sinh các trường tiểu học miền núi Sơn La phần lớn thuộc thành phần dân tộc thiểu số, năng lực tiếng Việt còn nhiều hạn chế, tâm lý rụt rè, ngại giao tiếp, nên việc dạy học tiếng Việt còn gặp nhiều khó khăn. Vì thế, trong quá trình dạy học giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát triển năng lực tiếng Việt và năng lực giao tiếp cho đối tượng HS này.

1.4. Môn TV có nhiệm vụ quan trọng là hình thành năng lực ngôn ngữ cho HS. Những năng lực ngôn ngữ này chỉ có được khi GV tổ chức cho HS thực hiện thành thực từng thao tác, hành động của quá trình dạy học TV và hứng thú với việc thực hiện nó. Điều đó kích thích tư duy sáng tạo cho các em. Tuy nhiên, để giúp HS nắm được kiến thức và kỹ năng sử dụng TV trong giao tiếp là một công việc không dễ dàng, cần có PPDH thích hợp mới đem lại hiệu quả cao. Vận dụng PPSPTT trong dạy học TV là dạy học hướng vào người học, trong đó diễn ra các hoạt động tương tác: GV - HS và môi trường dạy học được tổ chức phù hợp, nhằm phát huy tính tích cực, tự lực có thể giúp người học tích cực hóa việc học của mình hơn. Người dạy đóng vai trò chủ yếu là người tổ chức môi trường học tập và hỗ trợ, tư vấn cho người học.

1.5. Trong quá trình dạy học môn TV nói chung và dạy học TV cho HS lớp 2 nói riêng, GV đã có thể thực hiện được sự tương tác trong dạy học, nhưng chưa rõ nét, hầu hết là tương tác mới chỉ là xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa HS - HS; HS - GV. Sự tác động qua lại giữa người học - môi trường còn mờ nhạt. Vậy sử dụng PPSPTT trong môn TV có thể áp dụng như thế nào cho phù hợp? Vai trò của người dạy, người học, môi trường trong dạy học tương tác như thế nào? Sử dụng các biện pháp nào để dạy học đạt hiệu quả? Đó là vấn đề đặt ra và cần có lời giải đáp sao cho thuyết phục.

Từ những lý do trên chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu là: *Sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học tiếng Việt cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La.* Với mong muốn đưa kết quả

nghiên cứu này áp dụng vào thực tiễn, nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn TV cho HS ở Trường Tiểu học hiện nay.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

2.1. Thành tựu nghiên cứu ở nước ngoài

PPSPTT xuất hiện vào những năm 70 của thế kỷ XX. Ngay từ khi xuất hiện nó đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu sư phạm trên thế giới và được thể hiện tập trung trong cuốn “Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác” của hai tác giả là Jean-Marc Denomm'e và Madeleine Roy. Trong tác phẩm này các tác giả đã thể hiện quan niệm người học là người “thợ chính” của quá trình đào tạo, người dạy đảm nhiệm chức năng hướng dẫn người học. Môi trường ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động dạy của người dạy và hoạt động của người học thông qua các yếu tố bên trong, bên ngoài của người học và người dạy. Phương pháp này trông chờ vào tính năng động do quan hệ qua lại giữa người dạy - người học và môi trường nhằm phát huy sự phản ứng, trao đổi và điều chỉnh giữa các tác nhân.

2.2. Thành tựu nghiên cứu ở Việt Nam

Ở Việt Nam, nghiên cứu về phương pháp sư phạm tương tác giữa người dạy - người học - môi trường trong dạy học được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong công trình nghiên cứu của mình, các tác giả đã đưa ra cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của dạy học và trình bày chi tiết những mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, cơ sở khoa học của các phương pháp dạy học. Trên cơ sở đó đề ra những phương pháp dạy học hiện đại hướng tới rèn luyện kỹ năng cho HS, giúp nâng cao hiệu quả học tập của HS.

Những tư tưởng của lí thuyết về phương pháp sư phạm tương tác đã đặt ra nhiều thành tựu với những đóng góp của các nhà nghiên cứu: Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Cẩm Thanh,...và được cụ thể bằng các nghiên cứu về năng lực sư phạm của người GV với vai trò là người kiến tạo nên các mối quan hệ

tương tác trong quá trình dạy học: *tương tác giữa người dạy và người học, tương tác giữa người học và người học, tương tác giữa người dạy, người học và môi trường dạy học và học tập.*

Để thực hiện đề tài luận văn này, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới các công trình nghiên cứu sau:

Đầu tiên, phải kể tới Giáo trình “Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học” do Lê Phương Nga làm chủ biên. Trong công trình này, các tác giả đã đưa ra cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của dạy học TV ở Tiểu học và trình bày chi tiết những mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, cơ sở khoa học của các PPDH. Trên cơ sở đó đề ra những PPDH hiện đại hướng tới rèn luyện kỹ năng cho HS thực hành, giúp nâng cao hiệu quả học tập của HS. Tác giả nhấn mạnh, để làm rõ thế nào là lấy HS làm trung tâm trong giờ TV: *là đặt trong thế đối lập với dạy học lấy sách làm trung tâm hoặc lấy thầy làm trung tâm. Điều này có nghĩa là: Lấy HS làm đích, dạy những gì HS cần chứ không phải dạy những gì thầy có hoặc thầy thích; Để HS tự tìm ra kiến thức nghĩa là để các em làm những gì các em có thể làm được, thầy không làm thay; Hiểu trẻ em, biết những khó khăn của các em để đi từ cái trẻ em có đến cái chúng ta muốn.*

Tài liệu “Phương pháp dạy học tiếng Việt cho HS dân tộc cấp Tiểu học” Bộ giáo dục - đào tạo (GD - ĐT), dự án phát triển giáo viên (GV) tiểu học, Nhà xuất bản giáo dục (NXB GD), Hà Nội (2006), tác giả đã *thiết kế các hoạt động, nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của người học, kích thích óc sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tự giám sát và đánh giá kết quả học tập của người học.* Từ đó, tác giả đề cập đến các phương pháp, biện pháp và hình thức dạy học TV cho HS dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức của các em.

Công trình nghiên cứu “Đổi mới phương pháp dạy học tiểu học” Bộ GD-ĐT, dự án phát triển GV tiểu học, NXBGD, Hà Nội, (2005), nhóm tác giả

đã chỉ ra những đổi mới trong nội dung và phương pháp bài dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động của HS, nhằm cung cấp cho GV và cán bộ quản lý giáo dục tiểu học ở các cơ quan quản lý giáo dục, các Trường Tiểu học những kiến thức và kỹ năng về đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung, về PPDH các môn học theo chương trình - sách giáo khoa mới ở tiểu học nói riêng. Nhóm tác giả đã nhấn mạnh: *Đổi mới PPDH thực chất không phải là sự thay thế các PPDH cũ bằng một loạt các PPDH mới. Về mặt bản chất, đổi mới PPDH là đổi mới cách tiến hành các phương pháp, đổi mới các phương tiện và hình thức triển khai phương pháp trên cơ sở khai thác triệt để ưu điểm của các phương pháp cũ và vận dụng linh hoạt một số phương pháp mới nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học.* [9, tr.10]

Tài liệu “Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên tiểu học chu kì III (2003 - 2007), tập 1” Bộ GD-ĐT, NXBGD, Hà Nội, (2004). Chương trình này cũng được tác giả thiết kế để giúp GV thực hành các PPDH theo hướng tích cực và tương tác trong nhà trường: thiết kế các hoạt động học tập của người học, kích thích sự sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tự giám sát và đánh giá kết quả học tập của người học, chú trọng sử dụng tích hợp nhiều phương tiện truyền đạt khác nhau... giúp cho người học dễ học, dễ hiểu và gây được hứng thú học tập.

Bài viết: Thiết kế bài học: “Giáo viên và học sinh trong cơ chế dạy học văn ở nhà trường phổ thông” của Trần Thị Thanh Hồng, Thông tin khoa học và công nghệ, Trường Đại học Tây Bắc, số 7, Tr.26, năm 2007, tác giả chỉ rõ vai trò của các yếu tố tham gia vào quá trình dạy học, trong đó chú trọng sự tương tác giữa GV - tài liệu học - HS là sự tương tác đa chiều tạo nên phương pháp dạy học tích cực và hiệu quả giờ học. Tác giả nhấn mạnh: *tinh thần chung của phương pháp dạy học tích cực là phải tôn trọng học sinh, tránh áp đặt, phải linh hoạt, chủ động, sáng tạo (tính năng động)... Công việc của*

người thầy rất quan trọng nhưng rất khác trước ở chỗ: phải biết tổ chức công việc để hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, tự khám phá, tránh hiểu thay, làm thay, nói thay. [21, tr.27]

Sách GV “TV 2” tác giả xây dựng cấu trúc của mỗi bài học được thiết kế qua các hoạt động dạy học tương ứng với những nội dung chính theo mục tiêu bài học. Trong thiết kế bài học, thể hiện sự tương tác giữa HS - GV - tài liệu học; HS - HS - tài liệu học. Trước mỗi hoạt động đều có chỉ dẫn, cùng với hệ thống câu hỏi giúp GV dễ dàng định hướng nội dung bài dạy... theo hướng phát triển tư duy, nhận thức cho HS.

Điểm thống nhất trong các nghiên cứu là nhân mạnh trong nội dung và phương pháp dạy học là theo hướng tích cực hóa hoạt động của HS, kích thích óc sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tự giám sát và đánh giá kết quả học tập của người học. Công việc của người thầy rất quan trọng ở chỗ: phải biết tổ chức công việc để hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, tự khám phá, tránh hiểu thay, làm thay, nói thay... Trong quá trình tổ chức bài học, GV phải tạo lập được các mối quan hệ tương tác giữa học sinh - giáo viên - tài liệu học; học sinh - học sinh - tài liệu học. Trước mỗi hoạt động học tập đều có chỉ dẫn, cùng với hệ thống câu hỏi giúp GV dễ dàng định hướng nội dung bài dạy... theo hướng phát triển tư duy, nhận thức cho HS. Đây cũng là sự thể hiện rõ nhất quan điểm dạy học hiện đại hiện nay là lấy HS làm trung tâm đặt trong thế đối lập với dạy học lấy người dạy và sách vở làm trung tâm.

Những công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến các phương pháp dạy học có nhiều ưu điểm phát huy tính tích cực, chủ động của người học, tuy nhiên việc thực hiện sự tương tác giữa người thầy và học trò, giữa học trò với nhau và với môi trường học tập sao cho hiệu quả lại là vấn đề còn nhiều bất cập. Những công trình nghiên cứu trên là những định hướng quý báu để chúng tôi thực hiện luận văn: *Sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong*

dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là đề xuất hướng vận dụng hiệu quả phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học TV cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

Xác định cơ sở lý luận của việc sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học;

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học môn Tiếng Việt cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

Mô tả và phân tích thực trạng dạy học môn Tiếng Việt cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, từ đó tìm ra những khó khăn và hạn chế của thực trạng sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học.

Đề xuất hướng vận dụng hiệu quả phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học TV cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

Thiết kế một số giáo án và thực nghiệm sư phạm, kiểm chứng những giải pháp đã được đề xuất;

Tổng hợp so sánh đối chiếu kết quả bước đầu thực nghiệm và rút ra tính hiệu quả của vấn đề nghiên cứu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu hướng vận dụng hiệu quả PPSPTT trong dạy học TV cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Ngoài ra các cơ sở lý thuyết từ các tài liệu tham khảo, chương trình SGK TV2,... và các tiết dạy - học TV (thiết kế giáo án, dạy thể nghiệm, dự giờ khảo sát) cũng là đối tượng nghiên cứu của đề tài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

a. Nghiên cứu cơ sở lý luận

Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học TV ở tiểu học;

Về môi trường dạy và học, luận văn chỉ đề cập đến môi trường bên ngoài theo nghĩa là môi trường sư phạm trong lớp học bởi đây là môi trường tác động trực tiếp đến người dạy và người học.

b. Nghiên cứu thực trạng

Luận văn chỉ đánh giá thực trạng và tìm kiếm giải pháp sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học TV cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

c. Nghiên cứu thực nghiệm

Đề xuất một số hướng sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học TV hiệu quả cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

Thiết kế giáo án và dạy thể nghiệm sư phạm.

d. Địa bàn nghiên cứu: Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

e. Khách thể nghiên cứu

- Khảo sát thực trạng: 2 lớp; Mẫu nghiên cứu là 80 HS
- Khảo sát thực nghiệm:
 - + Lớp thể nghiệm (TN) 1 lớp; Mẫu nghiên cứu là 40 học sinh
 - + Lớp đối chứng (ĐC) 1 lớp Mẫu nghiên cứu là 40 học sinh
- Khảo sát giảng viên: 10 GV?

5. Giả thiết khoa học của vấn đề nghiên cứu

Chúng tôi đặt giả định hiện nay việc sử dụng PPSPTT trong dạy học TV ở Trường Tiểu học còn gặp nhiều hạn chế cần tìm biện pháp khắc phục. Nếu các đề xuất trong luận văn xác minh được tính khả thi, thì sẽ góp phần khắc phục những hạn chế, có thể vận dụng PPSPTT phù hợp với thực tiễn dạy học cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn TV và đổi mới PPDH ở Trường Tiểu học hiện nay.

6. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận văn này chúng tôi sử dụng 04 phương pháp nghiên cứu là:

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: đọc tài liệu liên quan, phân tích tổng hợp, khái quát vấn đề nhằm thu thập thông tin làm cơ sở lý luận cho đề tài.

Phương pháp quan sát, điều tra: dự giờ, thăm lớp... nhằm thu thập các thông tin về thực trạng dạy học tiếng Việt cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Thiết kế giáo án dạy thể nghiệm theo phương án đề xuất... nhằm xem xét, xác nhận tính đúng đắn, hợp lý và tính khả thi của việc sử dụng PPSPTT trong dạy học TV cho HS lớp 2.

Phương pháp thống kê toán học: nhằm xử lý kết quả khảo sát thực nghiệm, tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn để đánh giá hiệu quả của quá trình thực nghiệm.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn gồm có 03 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học TV cho HS lớp 2

Chương 3: Thiết kế và thực nghiệm sư phạm.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái quát chung về PPSPTT

1.1.1.1. Một số khái niệm liên quan

Quá trình dạy học là một quá trình dưới sự lãnh đạo, tổ chức, điều khiển của người GV, người học tự giác, tích cực, chủ động, biết tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức - học tập của mình nhằm thực hiện nhiệm vụ dạy học. [6, tr.10]

Tương tác trong dạy học là sự tác động qua lại giữa các chủ thể là người dạy, người học và đối tượng dạy học cũng như toàn thể các thành phần của quá trình dạy học. [7, tr.4]

Dạy học tương tác là dạy học hướng vào người học, trong đó diễn ra các hoạt động tương tác đa dạng trong một môi trường dạy học được tổ chức phù hợp, đòi hỏi tích tích cực và tự lực cao của người học. Người dạy đóng vai trò chủ yếu là người tổ chức môi trường học tập và hỗ trợ, tư vấn cho người học. [7, tr.4]

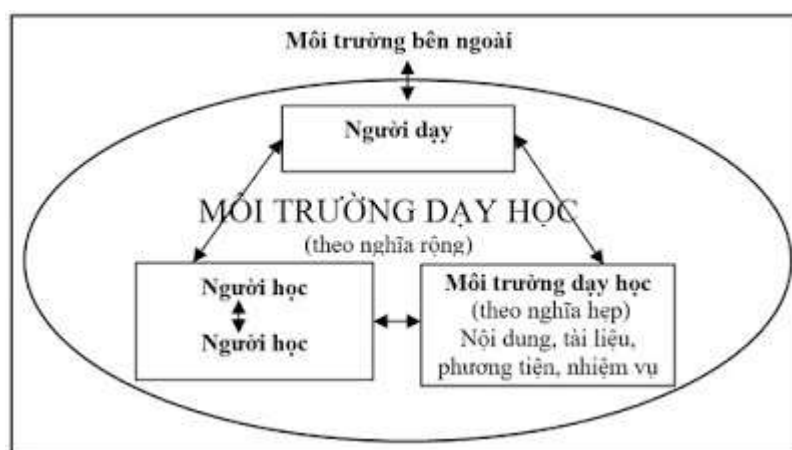
Môi trường dạy học tương tác là môi trường tạo điều kiện và hỗ trợ mạnh mẽ các hoạt động tương tác đa dạng, đặc biệt là tương tác giữa người học với các phương tiện, tài liệu, nhiệm vụ học tập và sự tương tác xã hội giữa người học với nhau trong quá trình học tập để lĩnh hội nội dung học tập với tính tích cực và tự lực cao. [7, tr.5]

Phương pháp sư phạm tương tác là phương pháp dạy học tập trung vào người học, lấy người học làm trung tâm trong quá trình dạy học. Mọi nội dung, phương pháp dạy học phải xuất phát từ HS, vì sự phát triển và những lợi ích của các em. Thực hiện phương pháp này, giáo viên giữ vai trò là người tổ các hoạt động học tập, hướng dẫn HS cách học, tạo điều kiện thuận lợi để

học sinh phát huy năng lực của mình một cách sáng tạo; HS là chủ thể tích cực, tự giác tham gia vào quá trình học tập, tự điều chỉnh hoạt động của mình để chiếm lĩnh tri thức, hình thành kỹ năng. Phương pháp sư phạm tương tác được xây dựng dựa trên ba nhân tố chính của quá trình dạy học là người dạy, người học và môi trường dạy - học.

1.1.1.2. Các nhân tố trong phương pháp sư phạm tương tác

Quá trình dạy học là quá trình tương tác của nhiều yếu tố khác nhau: ba nhân tố chính của quá trình dạy học theo PPSPTT là người dạy, người học, môi trường học tập,.... Còn gọi là các yếu tố bên trong hệ thống và các yếu tố bên ngoài hệ thống. Cấu trúc đó đã được Nguyễn Văn Cường mô tả như sau: [7, tr.6]



Hình 1.1: Cấu trúc tương tác trong dạy học

Nhìn vào mô hình trên, ta thấy: các yếu tố thuộc cấu trúc bên trong của quá trình dạy học, bao gồm: nội dung, tài liệu học tập, nhiệm vụ, phương tiện... và được thực hiện bởi các thực thể: người dạy, người học. Trong đó, GV cùng với hoạt động dạy, HS cùng với hoạt động học là hai nhân tố cơ bản nhất. Các yếu tố ngoài hệ thống là toàn bộ những yếu tố bên ngoài người học có tác động tới quá trình học tập như: môi trường xã hội, đời sống chính trị, tư tưởng văn hoá,... Theo nghĩa hẹp, môi trường dạy học, bao gồm: nội dung, tài

liệu, phương tiện, nhiệm vụ.

VD: Nếu môi trường xã hội, môi trường học đường lành mạnh (học sinh hứng thú học, phụ huynh quan tâm, xã hội ủng hộ... để trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò) thì chắc chắn chất lượng dạy học sẽ tốt hơn. Ngược lại, nếu xã hội vẫn còn có quan niệm coi thường việc học “học chẳng để làm gì, có học nhưng không thi đỗ đại hoặc cũng chỉ ở nhà làm ruộng ...”, hoặc vị thế thầy không xứng đáng, môi trường giảng dạy phức tạp (trò hạn chế tiếng phổ thông, còn hạn chế bởi những tập tục lạc hậu...) thì việc dạy học khó đạt chất lượng...

Như vậy, cấu trúc các tương tác chung của quá trình dạy học là tương tác giữa người dạy, người học và môi trường dạy học. Trong đó có các môi trường tương tác cơ bản sau:

1.1.1.3. Môi quan hệ và vai trò của các yếu tố trong môi tương tác

Tương tác giữa người dạy và người học: dạy và học là hai nhân tố chính của quá trình dạy học. Dạy - học có thể được hiểu là hệ thống những tác động qua lại lẫn nhau giữa nhiều yếu tố nhằm mục đích hình thành tri thức, kỹ năng tương ứng và hoàn thiện đạo đức cho HS. Hai nhân tố (người dạy và người học) thuộc cấu trúc trong cơ chế dạy học giữ vai trò cơ bản quyết định trong việc tạo nên quá trình dạy học và chất lượng của hoạt động này. Trong đó cần xác định rõ vai trò của các yếu tố như sau:

GV là chủ thể dạy, chủ thể tác động và đóng vai trò là người điều khiển hoạt động học, hoạt động nhận thức của HS (xác định mục đích, lựa chọn nội dung, kích thích hứng thú); GV sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học một cách thích hợp để tổ chức cho HS tiếp cận với các nội dung dạy học, bằng cách đó mà HS được phát triển và hình thành nhân cách. Ngày nay, với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, các điều kiện thiết bị dạy học hiện đại hơn, GV càng có điều kiện tổ chức cho HS tiếp cận nội dung dạy học một

cách hứng thú, có hiệu quả cao. Hoạt động dạy học của giáo viên trong PPSPTT không đóng vai trò là “người ban phát kiến thức cho HS”, “cái máy bơm đơn giản bơm tri thức vào đầu học sinh” mà được xem là chủ thể của quá trình dạy học - lựa chọn các phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với từng nội dung dạy học để tổ chức hoạt động học cho HS. Trong quá trình hoạt động đó, người GV đóng vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của HS để giúp các em tự khám phá ra tri thức. Bằng cách đó bằng cách đó mà học sinh được phát triển và hình thành nhân cách.

HS trong phương pháp sư phạm tương tác không còn là những cá thể thụ động, không phải là “bình chứa kiến thức” mà là chủ thể nhận thức, chủ động tiếp thu tri thức bằng việc phát huy vai trò tích cực của mình tự giác chiếm lĩnh nội dung dạy học. Hai hoạt động này thống nhất với nhau nhờ sự cộng tác. Hoạt động học của HS bao gồm những hoạt động cụ thể:

- + Hoạt động chuẩn bị cho giờ học,
- + Hoạt động trong giờ học,
- + Tự học ở nhà,
- + Hoạt động ngoại khóa,....

Những hoạt động của HS được tiến hành dưới sự điều khiển của thầy. Hiệu quả hoạt động của HS là tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và những phẩm chất đạo đức mà các em đạt được. Do đó, phương pháp sư phạm tương tác không chỉ quan tâm đến hoạt động trực tiếp của HS mà còn lưu tâm đến kết quả của hoạt động đó.

Sự thống nhất biện chứng giữa vai trò của giáo viên và vai trò tự chủ của học sinh là một nguyên tắc dạy học. Sự thống nhất biện chứng giữa dạy và học là một trong những quy luật của quá trình dạy học. Nó phản ánh mối quan hệ gắn kết (trong quá trình dạy học), mối quan hệ giữa thầy với tư cách người tự tổ chức tự điều khiển, lãnh đạo và trò với tư cách người tự điều

khuyến hoạt động nhận thức. Tùy theo phương pháp dạy và học khác nhau thì tính chất tương tác người dạy - người học cũng khác nhau với mức độ tự khác nhau của người học. Học theo quan điểm sư phạm học tương tác, là tự điều khiển quá trình chiếm lĩnh tri thức của bản thân (tự thiết kế, tự thi công, tự kiểm tra việc học của mình) dưới sự điều khiển sư phạm của giáo viên. Từ đó, học được hiểu là “quá trình chuyển hoá tri thức của nhân loại thành tri thức của cá nhân”.

Như vậy, trong dạy học tương tác thì người dạy chủ yếu đóng vai trò người tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ; người học lĩnh hội tri thức với tính tự tích cực và tự lực cao. Hai mặt hoạt động này nếu thực hiện đồng bộ sẽ tạo nên hiệu quả của quá trình dạy học. Ngược lại, việc dạy học chỉ quan tâm chủ yếu đến cách dạy học của thầy, còn cách học của trò ít được chú ý, thậm chí bị bỏ qua... sẽ là nguyên nhân làm suy giảm hiệu quả của quá trình dạy học.

Tương tác giữa người học và người học: học thầy không tày học bạn, câu tục ngữ giúp chúng ta nhìn nhận sâu sắc hơn xu hướng vận động của các tương tác chức năng trong quá trình tổ chức tương tác giữa người học - người học trong dạy học. Tương tác trong nhóm là có vai trò quan trọng trong dạy học tương tác. Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm có tác dụng hình thành ở học sinh khả năng giao tiếp, khả năng hợp tác, khả năng thích ứng và khả năng độc lập suy nghĩ. Thông qua tương tác trong nhóm còn giúp phát triển năng lực cộng tác, năng lực xã hội.

Các nghiên cứu tâm lí cũng đã chỉ ra rằng *học sinh học tập tốt nhất trong sự tương tác với các bạn học đồng lứa tuổi. Thông qua tương tác trong nhóm còn giúp phát triển năng lực cộng tác, năng lực xã hội. Tương tác trong nhóm là có vai trò quan trọng trong dạy học tương tác. Người học cần được rèn luyện các kỹ thuật làm việc nhóm, huy động sự tích cực của tất cả các thành viên.* [7, tr.7]

Cũng theo quan điểm dạy học hiện đại, HS trước hết là chủ thể học, có động cơ học tập đúng đắn, học tập tự giác, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, độc lập suy nghĩ, tự điều chỉnh phương pháp học tập của mình phù hợp và hiệu quả, tự học để chiếm lĩnh tri thức và hình thành kỹ năng và hình thành và phát triển nhân cách. HS là chủ thể nhận thức, chủ động tiếp thu tri thức bằng việc phát huy vai trò tích cực của mình tự giác chiếm lĩnh nội dung dạy học để hình thành và phát triển nhân cách dưới sự điều khiển sư phạm của GV. Vì vậy, trong dạy học, thầy giáo phải sử dụng các biện pháp và hình thức linh hoạt để có thể phát huy được hết tính tích cực chủ động của học sinh trong học tập.

Tương tác giữa người dạy và môi trường dạy học: Môi trường theo quan điểm sư phạm học tương tác là những điều kiện cụ thể và phong phú của dạy học do người thầy tạo ra, tổ chức cho HS hoạt động, thích nghi, trên nền tảng những lựa chọn đúng đắn, phù hợp với yêu cầu đặt ra cho người học nhằm đạt được các nhiệm vụ dạy học. Người dạy là người thiết kế, tổ chức và điều khiển môi trường dạy học. Căn cứ vào tính chất của nội dung tri thức và khả năng của HS trong tình huống lớp học cụ thể, người dạy xây dựng tình huống học sao cho phù hợp. Ví dụ: xem băng hình liên quan nội dung bài học để thiết kế các bài luyện tập ở trên lớp, xây dựng phiếu đánh giá, tổ chức dạy luyện tập cho HS,...Do đó việc chuẩn bị nội dung, phương tiện, tài liệu, phiếu làm việc, nhiệm vụ, bài tập cũng như thiết kế các phương pháp, hình thức làm việc của người dạy và người học cần đặc quan tâm. Mặt khác, môi trường dạy học trong dạy học tương tác cần hỗ trợ các khả năng tương tác đa dạng và tính tích cực, tự lực của HS.

Tương tác giữa người học và môi trường học tập: Tương tác giữa người học với môi trường dạy học là tương tác với các yếu tố cụ thể của môi trường học tập được tổ chức, đó là nội dung, tài liệu, phương tiện, nhiệm vụ,

bài tập học tập (hiểu theo nghĩa hẹp). Đây là dạng tương tác trọng tâm của dạy học tương tác. Tất cả các tương tác cần hỗ trợ cho việc tương tác tích cực, độc lập giữa người học với đối tượng, nội dung học tập để tự lực kiến tạo tri thức.

1.1.1.4. Bản chất của quá trình dạy học theo phương pháp sư phạm tương tác

a. Quá trình dạy học là một bộ phận của quá trình sư phạm

Hoạt động dạy - học là một bộ phận của quá trình sư phạm, bởi vì đây vừa là quá trình dạy vừa là quá trình giáo dục. Nét nổi bật của quá trình dạy là sự tác động về mặt nhận thức của HS nhằm hình thành cho họ sự nắm vững hệ thống tri thức và những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng. Còn quá trình giáo dục là một quá trình vừa là sự tác động có tổ chức, có mục đích của GV và những ảnh hưởng của môi trường xã hội, của đoàn thể và của gia đình, vừa là sự tham gia tích cực của HS đối với những tác động định hướng, có tổ chức của GV nhằm hoàn thiện nhân cách của bản thân. Quá trình này diễn ra theo một hệ thống có mục tiêu, có kế hoạch, có tổ chức, có hướng dẫn nhằm cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng, phát triển nhân cách của HS trong nhà trường. Hai quá trình này không tách rời nhau mà là một quá trình hoạt động thống nhất nhằm hình thành nhân cách của HS, đáp ứng được yêu cầu của thời đại. Trong đó, dạy học là quá trình hoạt động hai mặt do thầy giáo (dạy) và học sinh (học) nhằm thực hiện các mục đích dạy học. Học là quá trình tự giác, tích cực, tự lực chiếm lĩnh tri thức khoa học dưới sự điều khiển sư phạm của giáo viên, chiếm lĩnh tri thức khoa học là mục đích của hoạt động học. Trong quá trình hoạt động đó, người GV đóng vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh để giúp các em tự khám phá ra tri thức. HS dưới sự dẫn dắt của GV sẽ thu nhận kiến thức từ kho tàng văn hóa xã hội của nhân loại thành tri thức riêng cho bản thân.

b. Quá trình dạy học là một quá trình nhận thức

Nhận thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào não người - đó là sự phản ánh tâm lý của con người bắt đầu từ cảm giác đến tư duy, tưởng tượng. Việc học tập của HS cũng là quá trình nhận thức từ ngoài chuyển vào trong. Đó là sự nhận thức của mỗi chủ thể HS mang tính chất sáng tạo. Sự phản ánh đó phụ thuộc vào năng lực chủ quan của mỗi người học (như vốn sống, nhu cầu, trình độ, hứng thú...), và đó là sự phản ánh tích cực của mỗi chủ thể HS.

Mục tiêu quan trọng của môn TV 2 là cung cấp cho HS một số khái niệm, tri thức, phương pháp nghiên cứu để hiểu TV; rèn các kỹ năng hoạt động lời nói; tiếp nhận lời nói (nghe, đọc) và sản sinh lời nói (nói, viết). Thông qua việc dạy và học TV, góp phần rèn luyện các thao tác của tư duy; Bồi dưỡng tình yêu TV và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của TV, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

c. Quá trình dạy học là một quá trình HS vừa là khách thể vừa là chủ thể

Theo PPSPTT, HS trước hết là chủ thể học, có động cơ học tập đúng đắn, học tập tự giác, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, độc lập suy nghĩ, tự điều chỉnh phương pháp học tập của mình phù hợp và hiệu quả, tự học để chiếm lĩnh tri thức và hình thành kỹ năng và hình thành và phát triển nhân cách. HS đồng cũng là những khách thể trong quá trình học. Hoạt động của HS được tiến hành dưới sự điều khiển định hướng, dẫn dắt của GV, HS thực hiện các hoạt động lĩnh hội kiến thức, tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập do giáo viên yêu cầu. Hiệu quả hoạt động của trò là tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, những phẩm chất đạo đức mà các em đạt được.

Mục đích của dạy học là HS, sự phát triển của các em, những lợi ích của các em. Quan điểm dạy học hiện đại là phát huy tính tích cực của người học, lấy người học làm trung tâm, lấy lợi ích của các em làm đích và tổ chức

quá trình dạy học sao cho để HS tự “làm ra” kiến thức, nhấn mạnh đến năng lực tự học của HS. Theo quan niệm này, GV không trình bày kiến thức như là những kết quả có sẵn mà xây dựng hệ thống câu hỏi, hoặc qua các bài tập hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động nhằm chiếm lĩnh kiến thức và phát triển kĩ năng sử dụng TV. Đây là quá trình chuyển từ phương pháp truyền thụ sang phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó thầy đóng vai trò người tổ chức hoạt động của học sinh, mỗi HS đều được hoạt động, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

d. Quá trình dạy học là một quá chịu sự tác động của điều kiện bên ngoài và điều kiện bên trong

GV với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, tinh thần trách nhiệm có ảnh hưởng tới kết quả dạy học. GV được coi như yếu tố then chốt của cải cách, đổi mới giáo dục. Bởi lẽ, không có thầy giỏi về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt thì không thể có nền giáo dục chất lượng. giáo viên cần không ngừng trau dồi kỹ năng, phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp, cải tiến phương pháp giảng dạy, đảm bảo việc truyền thụ tri thức ngày càng chính xác, hấp dẫn, có chất lượng. GV cần giúp cho học sinh thấy được ý nghĩa và vai trò của các kiến thức môn học đối với cuộc sống; giúp học sinh biết cách học thích hợp đối với mỗi bộ môn, tăng cường thời lượng, chất lượng thực hành cho mỗi bộ môn, nắm vững lý thuyết, luôn có sự vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống và giải quyết các tình huống trong đời sống theo các khía cạnh khác nhau. Cần có những bài giảng nêu vấn đề, những giờ thảo luận trên lớp, những trò chơi mang tính chất giáo dục để kích thích hứng thú học tập nâng cao kết quả dạy học cho các em.

HS với năng lực nhận thức, hứng thú học tập có ảnh hưởng tới kết quả học. Năng lực nhận thức của HS cùng với sự hứng thú thể hiện sự tập trung chú ý cao độ, sự say mê của chủ thể hoạt động. Sự hứng thú gắn liền với tình

cảm của con người, nó là động cơ thúc đẩy con người tham gia tích cực vào hoạt động đó. Trong bất cứ công việc gì, nếu có hứng thú làm việc con người sẽ có cảm giác dễ chịu với hoạt động, nó là động cơ thúc đẩy con người tham gia tích cực và sáng tạo hơn vào hành động đó. Ngược lại nếu không có hứng thú, dù là hành động gì cũng sẽ không đem lại kết quả cao. Đối với các hoạt động nhận thức, sáng tạo, hoạt động học tập, khi không có hứng thú sẽ làm mất đi động cơ học, kết quả học tập sẽ không cao, thậm chí xuất hiện cảm xúc tiêu cực. [6, tr.15 - 17]

Chúng ta nhận thấy dạy học là một hệ thống gồm nhiều yếu tố có quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, cần làm rõ chức năng của yếu tố dạy - học - môi trường và đặc biệt sự tương tác giữa hai yếu tố trong môi trường gắn với nội dung môn học. Trong quá trình dạy học, GV là người tạo ra môi trường dạy học, GV và HS cùng phối hợp tổ chức hoạt động dạy và học, thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ dạy học. Yếu tố môi trường có tác động ảnh hưởng, tạo điều kiện cho hoạt động dạy - học cụ thể... Các yếu tố này luôn ở trong trạng thái động, tương tác tích cực với nhau và trở nên có ý nghĩa hơn đối với chất lượng dạy học.

Những hiểu biết có tính chất lý luận về PPSPTT trên đây là cơ sở giúp người dạy lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cũng như can thiệp kịp thời nhằm tạo ra động lực giúp người học hứng thú và thành công. Để vận dụng PPSPTT trong quá trình dạy học, GV cần chú ý đến các yêu cầu sau :

Phương pháp sư phạm tương tác bắt nguồn từ sự nhận thức đúng đắn về vai trò và quan hệ của người dạy, người học và môn học. Nó đặt ra yêu cầu tổ chức tốt mối quan hệ giữa người dạy và người học theo hướng lấy người học làm trung tâm. Đây cũng là mục tiêu mà các chiến lược dạy học hiện đại, tiến bộ hướng tới. Ở đây, GV không trình bày kiến thức như là những kết quả

có sẵn mà xây dựng hệ thống câu hỏi, hoặc qua các bài tập hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động nhằm chiếm lĩnh kiến thức và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Yêu cầu này chi phối sự lựa chọn phương pháp, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS.

Phương pháp sư phạm tương tác đòi hỏi quá trình dạy học phải thông qua hoạt động, GV phải là người kiến tạo ra các tình huống học để HS tự hoạt động, tự học, tự phát hiện và chiếm lĩnh tri thức bằng hoạt động của chính mình. Theo đó, GV là người tạo cơ hội để HS được chia sẻ, hợp tác, bộc lộ suy nghĩ cá nhân để tự thể hiện và tự khẳng định mình. Đây là hình thức chuyển từ phương pháp truyền thụ sang phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó thầy đóng vai trò người tổ chức hoạt động của học sinh, mỗi học sinh đều được hoạt động, mỗi học sinh đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Trong phương pháp sư phạm tương tác, để phát huy tính tích cực, sáng tạo trong hoạt động của HS trong quá trình trải nghiệm lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo thì việc tổ chức dạy học theo nhóm nhỏ - thảo luận nhóm là phương pháp dạy học đem lại hiệu quả cao. Đây là phương pháp tạo ra sự tương tác giữa học sinh và học sinh. Trong học tập nhóm, HS mạnh dạn bộc lộ ý kiến của mình, tự tin trước bạn bè, do đó mà phát huy tối đa sự tham gia của người học. Nhờ đó mà khả năng tư duy và năng lực giao tiếp của từng HS. Bên cạnh đó phương pháp này còn hạn chế sự áp đặt không cần thiết của người thầy trong quá trình dạy học.

Phương pháp sư phạm tương tác đặt ra yêu cầu là trong quá trình dạy học, GV cần sử dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực khác nhau, theo hướng tích cực hoá hoạt động nhận thức người học. Để làm được điều này thì trong quá trình dạy học, GV cần phải phối hợp các phương pháp và nguyên tắc

dạy học sao cho phù hợp nội dung bài học và với đặc điểm tâm sinh lý của người học để tạo ra môi trường giáo dục - dạy học thuận lợi giúp HS hứng thú học tập. Do khả năng tập trung, chú ý của HS chưa tốt, cho nên trong quá trình dạy học GV phải tạo ra bầu không khí học tập thoải mái, nhẹ nhàng thông qua các phương pháp trò chơi “học mà chơi, chơi mà học”, tránh sự căng thẳng không cần thiết đối với cả người dạy lẫn người học.

Phương pháp sư phạm tương tác yêu cầu GV phải chủ động trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục như: nắm vững mục tiêu chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và các biện pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, có biện pháp và hình thức tổ chức dạy học và các biện pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Muốn vậy, GV phải thường xuyên tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phải xem việc lấy người học làm trung tâm không có nghĩa là chỉ thấy vai trò của HS mà coi nhẹ vai trò của GV.

Phương pháp sư phạm tương tác cũng đòi hỏi phải thay đổi cách đánh giá kết quả dạy học. Phải dựa vào mục tiêu dạy học đã đặt ra làm cơ sở để đánh giá kết quả học tập, lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau như viết, trắc nghiệm, thực hành... GV không phải là người duy nhất có quyền đánh giá chất lượng học tập của người học mà phải tạo điều kiện cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Hoạt động này sẽ tạo nên tính dân chủ, khách quan hơn trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS. Đồng thời nó còn có tác dụng kích thích hứng thú học tập cũng như điều chỉnh hoạt động của chính bản thân mỗi HS sao cho đúng hướng.

1.1.2. Một số quan điểm chỉ đạo đổi mới giáo dục tiểu học

Những quan điểm và đường lối chỉ đạo của nhà nước về đổi mới giáo dục nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng được thể hiện trong nhiều văn bản, đặc biệt trong các văn bản sau:

Luật Giáo dục số 38/2005/QH11, Điều 28 qui định: “Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh”.

Nghị quyết số 02/NQ-TW tháng 12 năm 1996 của Ban chấp hành Trung ương đảng khoá VIII về định hướng chiến lược Giáo dục và Đào tạo trong thời kì công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước đã nhấn mạnh: “Thực sự coi Giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Giáo dục Tiểu học là nền móng của quá trình đào tạo con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thời đại đất nước”

Vấn đề đổi mới toàn diện về giáo dục trong đó có đổi mới PPDH đã được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thông qua Nghị quyết Trung ương IV (khoá VII), nghị quyết Trung ương II (khoá VIII) và Luật Giáo dục... Song song với việc bồi dưỡng GV trong chương trình “thay sách giáo khoa” bậc tiểu học được tiến hành từ năm học 2001-2002, rất nhiều tài liệu về vấn đề đổi mới PPDH đã được chuyển tải đến cán bộ quản lý, GV và tổ chức thực hiện tại các Trường Tiểu học. Trong Công văn số 896/BGD&ĐT-GDTH ngày 13/2/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã quy định rõ việc đổi mới cách thức dạy học, mà trọng tâm là đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học của HS. PPDH ở tiểu học được quy định tại Điều 28 của Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009: “Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học; khả năng làm việc theo

nhóm, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”; “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội”. [tr. BĐT].

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học”; “Đổi mới kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng đảm bảo thiết thực, hiệu quả, khách quan và công bằng; kết hợp kết quả kiểm tra đánh giá trong quá trình giáo dục với kết quả thi”. [tr. BĐT].

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức ban hành Thông tư số

30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo *Quy định đánh giá học sinh tiểu học*; Thông tư Số: 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của *Quy định đánh giá học sinh tiểu học* ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư Số: Số: 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành *Quy định đánh giá học sinh tiểu học*. Theo các Thông tư này, nhiều điểm mới trong đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học đã thay đổi. Điểm khác biệt cơ bản là hoạt động đánh giá kết quả học tập thường xuyên của HS không phải bằng điểm số như trước đây mà thay bằng lời nhận xét. Mô hình này kế thừa những mặt tích cực của mô hình dạy học truyền thống, nhưng nhấn mạnh "đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh", "đánh giá không so sánh với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh". Đánh giá quá trình học tập của học sinh phải coi trọng và khuyến khích hoạt động tự đánh giá của HS, đánh giá theo nhóm tự quản, theo cặp, nhóm, có thể hiểu là đánh giá vì HS.

Nghị quyết số 44/NQ-CP, ngày 09/6/2014 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế xác định "Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực của người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển".

Tài liệu “Đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học” ”- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, (2005), nhằm cung cấp cho GV và cán bộ quản lí giáo dục tiểu học ở các cơ quan quản lí giáo dục, các trường tiểu học những kiến thức và kĩ năng về đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung, về PPDH các môn học theo chương trình - sách giáo khoa mới ở tiểu học nói riêng. Trong đó nhấn mạnh:... “Đổi mới PPDH là đổi mới cách tiến hành các phương pháp, đổi mới các phương tiện và hình thức triển khai phương pháp trên cơ sở khai thác triệt để ưu điểm của các phương pháp cũ và vận dụng linh hoạt một số phương pháp mới nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học”

Những quan điểm, định hướng nêu trên tạo tiền đề, cơ sở lý luận quan trọng để chúng tôi thực hiện luận văn này.

1.1.3. Cơ sở khoa học của dạy học TV 2 theo PPSPTT

1.1.3.1. Cơ sở tâm lý

Các nhà tâm lý học cho rằng tri giác của HS tiểu học đã phát triển hơn so với tuổi mẫu giáo, nhưng chủ yếu vẫn mang tính chất nhận biết tổng quát. Các em chưa nhận biết chính xác các chi tiết khi tri giác các đối tượng. Tri giác trong hoạt động học tập của HS chỉ mang tính chất nhận biết và gọi tên hình dáng, màu sắc của sự vật. HS đầu cấp 1 chưa có khả năng phân tích có hệ thống những thuộc tính và những phẩm chất của các đối tượng được tri giác.

Tri giác ở HS lớp 2 đã phát triển hơn so với tuổi mẫu giáo, nhưng chủ yếu vẫn mang tính chất nhận biết tổng quát. Các em chưa nhận biết chính xác các chi tiết khi tri giác các đối tượng. HS chú ý đến các chi tiết ngẫu nhiên mà chưa có khả năng tổng hợp, khả năng quan sát tinh tế. Tri giác trong hoạt động học tập của HS chỉ mang tính chất nhận biết và gọi tên hình dáng, màu sắc của sự vật. Các em chưa có khả năng phân tích có hệ thống những thuộc

tính và những phẩm chất của các đối tượng được tri giác. Vì vậy trong quá trình dạy học TV, GV cần tạo điều kiện cho HS tiếp xúc trực tiếp với ngữ liệu, hướng dẫn các em phân tích ngữ liệu qua đó mà tổ chức, điều khiển hoạt động tri giác của học sinh, từ đó giúp các em tiếp nhận kiến thức mới được rút ra từ ngữ liệu một cách dễ dàng, hiệu quả hơn.

Đặc điểm cơ bản của sự chú ý của HS lớp 2 còn hạn chế, sức chú ý tốt nhất (tập trung) của HS tiểu học chỉ kéo dài trong một thời gian nhất định.... các em không thể tập trung chú ý lâu vào công việc mà rất dễ bị phân tán. Ngoài ra, HS lớp 2 còn thích tìm hiểu cái mới, thích hoạt động. Khả năng chú ý lâu của các em trong học tập còn yếu. Các em còn thích “học mà chơi, chơi mà học”. Đặc điểm tâm lý này giải thích lí do giáo viên cần chú ý vận dụng phương pháp đàm thoại, phương pháp trò chơi học tập trong dạy học tiếng Việt.

Mặt khác, sự phát triển tư duy của HS ở giai đoạn học vần gần giống với hoạt động tư duy của trẻ tuổi mẫu giáo. Do vậy, hoạt động nhận thức của lứa tuổi này chủ yếu diễn ra trong bình diện hành động trực quan. HS sẽ dựa vào những đối tượng thực, vật thực, tranh ảnh để nhận thức... Đây là cơ sở để nhấn mạnh phương pháp trực quan trong dạy học tiếng Việt.

Những đặc điểm tâm lý trên là cơ sở để GV đa dạng hoá các PPDH một cách hợp lý theo hướng kích thích khả năng tự học và hợp tác trong môi trường sư phạm thuận lợi nhằm duy trì sự chú ý và hứng thú học tập của HS.

1.1.3.2. Đặc điểm ngôn ngữ

Về mặt ngôn ngữ, khác với học các môn học khác, học tiếng Việt, học sinh tiếp xúc với một đối tượng quen thuộc gắn bó với cuộc sống hàng ngày của các em. Trước khi vào học ở nhà trường, học sinh đã sử dụng tiếng Việt với hai loại hoạt động nói và nghe, các em đã có một vốn từ nhất định, làm

quen với một số quy luật tạo lập lời nói Tiếng Việt một cách tự phát. Đây là điều kiện cần thiết để các em học tập môn TV có hiệu quả. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng các em vẫn còn nói - viết sai ngữ pháp, do vốn từ ngữ của HS còn nghèo nàn, lời nói gắn với hoàn cảnh giao tiếp... Vì vậy việc học tiếng Việt phải dựa trên sự hiểu biết chắc chắn về trình độ tiếng mẹ đẻ vốn có của HS. Giáo viên cần phải tạo điều kiện để học sinh hình thành lời nói hoàn chỉnh của mình trong các cuộc hội thoại, trong các hình thức học tập khác nhau: cá nhân, nhóm, lớp...

Từ nghiên cứu về những đặc điểm tâm lý trên của HS lớp 2 cho thấy HS lớp 2 hoàn toàn có khả năng thực hiện được những hoạt động học tập do giáo viên đưa ra trong quá trình sử dụng phương pháp sư phạm tương tác để dạy học TV. Đây cũng là một trong những nhân tố quan trọng đảm bảo cho sự phát huy tính tích cực của người học đã được vận dụng trong dạy học Tiếng Việt từ lâu nay. Theo đó, việc dạy học Tiếng Việt phải thể hiện tinh thần chung là hướng vào việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh. Hoạt động học tập tiếng Việt của HS được hiểu là hoạt động giao tiếp, hoạt động trí tuệ được thể hiện ra bên ngoài bằng các hành động cụ thể có thể quan sát được, lượng hoá được (ví dụ, hoạt động tìm tòi phát hiện kiến thức, thảo luận, tranh luận, trò chơi học tập...).

Hiệu quả của công việc sử dụng phương pháp này trong dạy học TV có sự đóng góp rất lớn của việc hiểu đúng đặc điểm tâm lý và đặc điểm ngôn ngữ của học sinh lớp 2.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.2. Thực trạng sử dụng PPSPTT trong dạy học Tiếng Việt lớp 2 trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La

Trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La là trường chuẩn quốc gia đóng trên địa bàn tiểu khu 4 thị trấn Hát Lót có tổng số 22 cán bộ GV nhân

viên. Có 12 lớp với 501 HS. Là một nhà trường có nhiều hoạt động đổi mới trong công tác dạy và học và đã đạt nhiều thành tích cao trong chuyên môn của GV và HS.

Chúng tôi chọn trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La để khảo sát với lí do: Trường thị trấn có một điểm trường, thu hút nhiều HS là con em tái định cư, học sinh nhiều dân tộc khác nhau, đội ngũ GV trẻ, năng động trong mọi hoạt động.

Để đánh giá thực trạng sử dụng PPSPTT trong dạy học TV lớp 2 trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La, chúng tôi tiến hành khảo sát trên hai đối tượng là GV và HS.

1.2.2.1. Đối với giáo viên

Để tìm hiểu nhận thức của GV về PPSPTT trong dạy học, chúng tôi đã xây dựng phiếu khảo sát dành cho 06 GV gồm những câu hỏi sau:

Câu 1. Theo thầy/cô PPSPTT được hiểu như thế nào?

Câu 2. Cảm nhận của thầy/cô về tầm quan trọng của việc sử dụng PPSPTT trong dạy học môn TV lớp 2?

Câu 3. Trong dạy học môn TV ở lớp 2, thầy/cô thường sử dụng các PPDH nào dưới đây?

- Phương pháp đọc theo nhóm;
- Phương pháp đàm thoại;
- Phương pháp luyện tập thực hành
- Phương pháp luyện tập theo mẫu
- Phương pháp trò chơi.

Qua khảo sát chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 1.1. Tổng hợp nhận thức của GV về PPSPTT trong dạy học

Stt	Nội dung lựa chọn	SL GV được K/S	Đồng ý	Không đồng ý
1	Tương tác giữa người dạy và người học	10	0	0
2	Tương tác giữa người học và người học	10	0	0
3	Tương tác giữa người dạy và môi trường dạy học	10	0	0
4	Tương tác giữa người học và môi trường học tập	10	0	0
5	Tương tác của ba nhân tố chính của quá trình dạy học là người dạy, người học, môi trường dạy - học	10	6	4

Qua khảo sát thực trạng nhận thức về PPSPTT trong dạy học TV ở lớp 2 ở trên địa bàn huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn la chúng tôi nhận thấy một số giáo viên chưa hiểu rõ PPSPTT, chưa thấy được tác dụng của phương pháp này trong quá trình phát huy năng lực học tập của HS. Một bộ phận GV khác thì hiểu chưa đúng về phương pháp này họ cho rằng đó chỉ là sự tác động qua lại giữa GV - HS, song sự tác động đó chỉ diễn ra theo một chiều là GV tác động đến HS chứ chưa có chiều ngược lại, chưa có sự tương tác giữa HS - HS; HS - GV - môi trường. Chỉ có một bộ phận nhỏ GV có quan niệm đúng đắn và PPSPTT, phần lớn trong số họ được đào tạo chính quy ở các trường Đại học, Cao đẳng sư phạm và đạt được giải cao trong các kỳ thi giáo viên dạy giỏi các cấp.

Bảng 1.2. Tổng hợp về cảm nhận GV về tầm quan trọng của việc sử dụng PPSPTT trong dạy học môn TV lớp 2

Stt	Tầm quan trọng của việc sử dụng PPSPTT	Đồng ý	Rất đồng ý	Không đồng ý
1	Vô cùng quan trọng	3	0	0
2	Rất quan trọng	2	2	1
3	Quan trọng	2	0	0
4	Không quan trọng	0	0	0
5	Hoàn toàn không ảnh hưởng gì	0	0	0

Nhìn vào **Bảng 1.2.** Tổng hợp kết quả khảo sát về tầm quan trọng của việc sử dụng PPSPTT trong dạy học môn TV lớp 2 cho thấy rất cần thiết khi giảng dạy cho trẻ.

Bảng 1.3. Tổng hợp các phương pháp được GV sử dụng trong dạy học TV cho HS lớp 2

Stt	Phương pháp	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
1	Phương pháp dạy học thảo luận nhóm	7	3	0
2	Phương pháp luyện tập theo mẫu	10	0	0
3	Phương pháp đàm thoại	10	0	0
4	Phương pháp luyện tập thực hành	10	0	0
5	Phương pháp tổ chức trò chơi	7	3	0

Nhìn vào bảng 1.3 tổng hợp các ý kiến khảo sát về PPDH chủ yếu được sử dụng trong dạy học môn TV, chúng ta thấy các GV được khảo sát đều khẳng định đây là các PPDH chủ yếu thường xuyên được sử dụng trong môn TV. Trong đó nhóm các phương pháp được sử dụng chủ yếu theo thứ tự từ cao xuống thấp là: Phương pháp dạy học thảo luận nhóm, Phương pháp đàm thoại, Phương pháp luyện tập theo mẫu, Phương pháp luyện tập thực hành, Phương pháp tổ chức trò chơi.

Qua việc dự giờ, thăm lớp một số Trường Tiểu học trên địa bàn huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn la chúng tôi nhận thấy: Trong quá trình dạy học TV gv mặc dù chưa hiểu biết đầy đủ về PPSPTT, nhưng họ cũng có ý thức tổ chức cho học tập thông qua hoạt động cùng học, cùng chơi với bạn song hiệu quả của sự tương tác giữa GV - HS; học sinh - HS; GV - HS - môi trường chưa cao. Hoạt động học tập của HS thông qua thảo luận nhóm, trò chơi học tập không trở thành hoạt động của từng cá nhân HS và của cả tập thể học sinh. Hoạt động học tập thông qua vui chơi của trẻ nhiều khi không phù hợp với nội dung bài học. Chẳng hạn, khi dạy bài tập đọc “Người mẹ hiền” - TV 2) có GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đóng vai để diễn tả lại cảnh Nam và Minh chui qua lỗ hồng ở bờ tường. Thành ra tuy có sự tương tác giữa GV - HS, HS - HS song sự tương tác đó lại không nhằm vào củng cố mở rộng, khắc sâu bài học mà chỉ dừng lại ở mức độ minh họa cho lý thuyết về đa dạng hoá các phương pháp dạy học một cách máy móc, dập khuôn, khi sử dụng các phương pháp dạy học như giảng giải, hỏi đáp GV không chú ý tạo ra mối liên hệ ngược từ phía học sinh đến GV. Hình thức tổ chức dạy học còn đơn điệu chủ yếu là dạy học cả lớp, ít có dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm. Khi tổ chức dạy học theo nhóm hiệu quả cũng chưa cao.

Qua kết quả khảo sát và lấy ý kiến của GV về các nội dung trên cho thấy các GV đã quan tâm tới sử dụng PPSPTT trong dạy học TV GV đã có

nhiều cố gắng trong việc vận dụng phương pháp dạy học nhằm tích cực hoá các hoạt động của HS theo yêu cầu của từng bài, GV đã sử dụng nhiều PPDH khác nhau. Các tiêu chí được GV lựa chọn đồng ý ở thứ bậc cao nhất là: Các phương pháp dạy học đàm thoại, phương pháp đọc theo nhóm, phương pháp luyện tập, phương pháp trò chơi. Tuy nhiên, không có PPDH nào là vận dụng nên trong quá trình dạy học GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp để mang lại hiệu quả cao. Qua các số liệu khảo sát cho thấy GV vẫn chưa thực sự quan tâm đúng mức đến HS. Thực trạng trên đặt ra vấn đề là làm thế nào để sử dụng hiệu quả hơn nữa dụng PPSPTT trong dạy học TV nói chung và TV lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La nói riêng? Đây là vấn đề đòi hỏi sự quan tâm của tất cả các GV để tìm biện pháp khắc phục.

1.2.2.2. Đối với học sinh

Tìm hiểu thực trạng học tập TV lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La của HS theo PPSPTT, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 80 HS của 2 lớp 2A và 2B tại trường Tiểu học Tô Hiệu, Mai Sơn, Sơn La. Nội dung khảo sát gồm: mức độ yêu thích môn TV của HS; học môn TV dễ hay khó; mức độ đọc hiểu; khả năng sử dụng từ ngữ của HS. Ở mỗi nội dung khảo sát đều được cụ thể hoá thành các tiêu chí. Các tiêu chí đều được đánh giá theo các mức độ khác nhau.

Đầu tiên chúng tôi tiến hành khảo sát mức độ yêu thích môn TV của HS với câu hỏi “Em có thích học môn TV không?”. Kết quả khảo sát được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.4. Tổng hợp mức độ hứng thú học môn TV của HS lớp 2

STT	Tiêu chí lựa chọn	Đồng ý
1	Rất thích	30
2	Thích	30
3	Bình thường	14

4	Không thích	6
---	-------------	---

Bảng 1.5. Tổng hợp nội dung trả lời câu hỏi về học môn TV dễ hay khó của HS lớp 2

STT	Nội dung lựa chọn	Đồng ý
1	Rất khó	20
2	Khó	50
3	Bình thường	6
4	Dễ	4

Môn học TV hầu hết các em đều dành thái độ, tình cảm tốt đẹp đối với môn học này, nhưng các em cũng cho rằng đây là môn học khó. Một phần do ngữ liệu xa rời cuộc sống của các em, trong sách giáo khoa có nhiều bài tập, câu hỏi xuất hiện quá nhiều như câu hỏi tái hiện trong phần môn tập đọc, bài tập điền từ trong phần ngôn từ ngữ...gây tâm lý nhàn chán, đơn điệu ở học sinh khi học, không kích thích được sự hợp tác giữa GV - HS trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập. Phần khác do cách thức lên lớp của GV không kích thích được hứng thú học tập của các em, không tạo điều kiện cho mọi học sinh trong lớp được hoạt động, một giờ dạy được đánh giá là thành công khi trong giờ dạy đó có một vài HS tham gia phát biểu ý kiến, số học sinh còn lại làm gì GV không kiểm soát được. Ví dụ: trong phân môn Tập Đọc HS rất hứng thú khi đọc các ngữ liệu, nhưng đến khi GV dạy Tập Đọc thì chỉ có một số em làm việc, số khác ngồi chơi hoặc làm việc khác.

Bảng 1.6. Tổng hợp kết quả 40 bài kiểm tra môn TV của HS lớp 2A

Lớp KS	Nội dung khảo sát	Mức độ đạt		
		HT	HTT	CHT

2A	Tập đọc	20	10	10
	Chính tả	15	20	5
	Tập làm văn	15	5	10

1.2.3. Nguyên nhân của thực trạng

So với các môn học khác đây là môn học có dung lượng kiến thức lớn. Vì vậy khó khăn đầu tiên đối với GV tiểu học là kiến thức chưa được trang bị đầy đủ, điều này ảnh hưởng sâu sắc tới việc sử dụng các PPDH (Bởi nội dung dạy học luôn quyết định phương pháp). Mặt khác nhiều GV còn chưa quan niệm đúng đắn về việc dạy học theo PPSPTT và hình thức tổ chức dạy học theo tinh thần của phương pháp này nên hiệu quả đem lại chưa cao.

Ngữ liệu, hệ thống câu hỏi và bài tập trong sách giáo khoa chưa phù hợp với việc tổ chức dạy học theo PPSPTT.

HS gặp phải khó khăn trong việc nhận thức và vận dụng những điều đã học vào cuộc sống. Hơn nữa sự phát triển của mỗi cá thể học sinh là không đồng đều nên vấn đề đặt ra cho PPSPTT khi sử dụng vào dạy học TV lớp 2 đó là làm sao tạo ra một môi trường thuận lợi, để mọi HS với những trình độ nhận thức khác nhau đều có thể tham gia vào hoạt động học tập, giao lưu hợp tác với GV, với bạn nhằm vào một mục đích chung là hướng tới sự phát triển nhân cách của các em.

Giải quyết được vấn đề trên không phải là việc có thể làm được một sớm một chiều. Song trước hết phải cung cấp cho GV một công cụ hữu hiệu để lựa chọn nội dung và PPDH nhằm tạo ra sự phát triển mới ở người học. Công cụ hữu hiệu đó chính là nếu được sử dụng hợp lý PPSPTT một trong quá trình dạy học TV ở lớp 2 thì phương pháp này sẽ góp phần không nhỏ vào việc này nâng cao chất lượng dạy học hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Trong chương này chúng tôi đề cập đến những cơ sở lí luận và thực tiễn của dạy học TV cho HS lớp 2. Với mục tiêu đặc thù của môn học được xác định là dạy TV nhằm hướng tới mục đích giao tiếp và thông qua giao tiếp, chương trình này chi phối việc lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá. Điều này đòi hỏi người GV trong quá trình dạy học TV theo chương trình mới bên cạnh việc sử dụng các phương pháp đặc trưng của bộ môn còn phải sử dụng những phương pháp để phát huy tính tích cực, chủ động của HS trong quá trình học tập như thảo luận nhóm, trò chơi học tập... với các hình thức dạy học phong phú và phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng như không chỉ đánh giá qua mức độ lĩnh hội kiến thức mà còn đánh giá qua mức độ hoạt động, hợp tác với bạn, với thầy... GV không còn là người duy nhất có quyền đánh giá kết quả học tập của HS mà phải tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá sản phẩm của chính mình. Tất cả những điều này là điều kiện thuận lợi để áp dụng PPSPTT trong quá trình dạy học TV.

CHƯƠNG 2

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SỬ PHẠM TƯƠNG TÁC TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 2

2.1. Một số yêu cầu về sử dụng PPSPTT trong dạy học TV cho HS

Sau khi nghiên cứu những vấn đề có tính chất lí luận và thực tiễn về PPSPTT, chúng tôi nhận thấy:

Để thể hiện tư tưởng dạy học tập trung vào HS, phát huy tính chủ động, tích cực của HS trong học tập, GV cần sử dụng các phương pháp tổ chức hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng của bộ môn, với lứa tuổi HS như: rèn luyện theo mẫu, thực hành giao tiếp, thảo luận, trò chơi học tập.... coi trọng cả ba hình thức học tập theo nhóm, cá nhân, cả lớp. Các phương pháp linh hoạt trong mỗi giờ học và hình thức học tập được sử dụng nhằm khơi gợi hứng thú cho HS, nâng cao hiệu quả giờ học.

Dạy học TV ở tiểu học với tư cách là dạy tiếng mẹ đẻ (dạy cho học sinh đã có khả năng sử dụng TV ở một mức độ nhất định) và với tư cách là dạy học ngôn ngữ thứ hai (dạy cho người học chưa có khả năng sử dụng TV). Để cụ thể hoá đối tượng của phương pháp dạy học TV, cần phân tích được các yếu tố tham gia vào quá trình dạy học này, và cần xem xét từng yếu tố: nội dung chương trình môn học TV ở Trường Tiểu học (dạy và học cái gì?), hoạt động dạy của thầy (dạy như thế nào và bằng cách nào?) và hoạt động học của trò (học như thế nào và bằng cách nào?).

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới phương pháp dạy và học hiện nay là chuyển từ phương pháp truyền thụ sang phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó thầy đóng vai trò tổ chức hoạt động của HS, mỗi HS đều được hoạt động, đều được bộc lộ mình và phát triển.

Theo nguyên tắc tích hoá hoạt động của HS, GV không trình bày kiến thức như một kết quả có sẵn mà xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn HS học sinh thực hiện các hoạt động nhằm chiếm lĩnh kiến thức và phát triển các kĩ năng sử dụng TV; còn SGV có nhiệm vụ hướng dẫn thầy cô giáo cách thức cụ thể để tổ chức hoạt động học cho HS.

Với cách hiểu trên, chúng tôi mạnh dạn đề xuất các giải pháp thực hiện PPSPTT trong dạy học TV cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Mai Sơn, Sơn La dưới đây.

2.2. Vận dụng PPSPTT trong dạy học TV cho HS lớp 2

2.2.1. Phương pháp dạy học thảo luận nhóm

Phương pháp thảo luận nhóm là cách thức GV tổ chức cho HS bàn bạc, trao đổi ý kiến, quan điểm của mình về một vấn đề nào đó trong quá trình dạy học. Đây là PPDH thể hiện rõ nét sự tương tác giữa GV - HS - môi trường.

Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để dạy học cần thực hiện các trình tự sau: GV chia lớp thành các nhóm; giao nhiệm vụ thảo luận cho từng nhóm; sau đó GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm; đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các thành viên khác trong lớp trao đổi ý kiến, tranh luận, bổ xung; giáo viên lắng nghe ý kiến của các nhóm, tổng kết, đánh giá và khẳng định ý kiến đúng.

Phương pháp này được sử dụng để dạy học nhiều loại bài TV như: Khi học các tri thức từ ngữ, ngữ pháp mới, thảo luận để tìm ra nội dung bài tập đọc... Để có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học TV cần tiến hành các bước sau:

Trước tiên GV chia lớp thành các nhóm, số lượng HS trong một nhóm phụ thuộc vào nội dung thảo luận nhưng phải đảm bảo cho mọi HS đều được trình bày ý kiến của mình, bàn bạc trao đổi ý kiến với bạn. Có nhiều cách để chia nhóm: Có thể chia nhóm cố định suốt một học kỳ, một năm học, có thể

chia nhóm tạm thời trong một tiết học, thậm chí trong một bài tập để thực hiện nhiệm vụ học tập, lúc này người ta thường áp dụng cách chia nhóm ngẫu nhiên... Ở mỗi nhóm có một nhóm trưởng, nhóm trưởng là người chịu trách nhiệm điều khiển hoạt động thảo luận, trao đổi giữa các thành viên trong một nhóm, nhóm trưởng này có thể do GV chỉ định hoặc do các thành viên trong nhóm tự bầu. Để tạo hứng thú cho HS trong quá trình thảo luận, có thể đặt tên cho mỗi nhóm, việc đặt tên này có thể do GV chỉ định hoặc do nhóm tự chọn, ví dụ: Nhóm Sơn Ca, nhóm Thỏ Trắng...

Sau khi chia lớp thành các nhóm GV giao nhiệm vụ thảo luận cho từng nhóm. Nhiệm vụ thảo luận nhóm là nhân tố quyết định mức độ hợp tác giữa các thành viên trong nhóm cũng như hiệu quả của sự tác động giữa GV - HS. Thật vậy, nếu nhiệm vụ học tập quá khó HS không có ý kiến trao đổi thì cuộc thảo luận trở thành bế tắc, nếu nhiệm vụ quá dễ hoặc là những vấn đề HS đã biết, không cần động não, trao đổi thì cũng có thể tìm ra lời giải đúng, thì cuộc thảo luận trở thành đơn điệu. Nhiệm vụ thảo luận của phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Có tác dụng kích thích sự suy nghĩ, trao đổi, hợp tác của từng HS và của cả tập thể, cũng như gây sự tò mò chú ý cho các HS. Chẳng hạn, GV có thể yêu cầu HS đặt tên khác cho một đoạn, cho cả bài (Loại câu hỏi này được sử dụng trong hầu hết các giờ tập đọc). Hãy cùng bạn đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ: “Để làm gì?” (*Đặt và trả lời câu hỏi “Để làm gì?” - TV2*)

Nhiệm vụ thảo luận cũng có thể là câu hỏi tổng hợp, để HS có thể trả lời được những câu hỏi dạng này thì GV cần có câu hỏi gợi ý, chẳng hạn: Để giới thiệu với HS về dấu hai chấm và tác dụng của nó GV có thể đưa ra những vấn đề thảo luận như sau: Trong đoạn văn trên có loại dấu câu nào em chưa biết, đã biết? Các loại dấu câu đó có thể thay thế cho nhau không? Loại dấu câu em chưa biết dùng để làm gì? Trong bài “Cá sấu sợ cá mập” (*TV*

2) GV có thể đặt câu hỏi thảo luận là: Trong câu trả lời của ông chủ khách sạn, ông đã vô tình cho khách biết điều gì? Theo em, nghe ông chủ trả lời như vậy thì khách còn sợ gì nữa? Những câu hỏi gợi ý này không chỉ dẫn dắt HS đến với nội dung bài học mà còn giúp HS mở rộng trí tưởng tượng, thể hiện được quan điểm riêng.

Câu hỏi thảo luận cũng có thể là những câu hỏi mở, là loại câu hỏi có đáp án mở phong phú đem lại hứng thú cho HS trong quá trình học. Những câu hỏi mở thường được sử dụng trong phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Tập làm văn vì trong những phân môn này nội dung bài học luôn gắn liền nội dung giáo dục với cách giải quyết những tình huống giao tiếp của HS. Chẳng hạn: Theo em sau này cậu bé có thành công trong cuộc sống không? Vì sao? (*Có công mài sắt có ngày nên kim - TV 2*) Trong câu chuyện này em thích nhất nhân vật nào? Vì sao? (*Những quả đào - TV 2*) ... Em sẽ nói gì với bạn khi: Bạn đến thăm nhà em. em mở cửa mời bạn vào nhà chơi. Em thích một bài hát mà bạn thuộc, em nhờ bạn chép hộ. Bạn ngồi bên cạnh nói chuyện trong giờ học. Em yêu cầu bạn trật tự để em nghe cô giáo giảng bài (*Mời, nhờ, đề nghị - TV 2*); Một bạn đang mãi mê đùa, chạy nhảy lỡ làm ngã một em bé. Em bé khóc. Theo em sự việc đó sẽ diễn ra như thế nào? Nếu bạn ấy không biết quan tâm tới người khác. Nếu bạn ấy biết quan tâm tới người khác. Như vậy, không phải bất cứ nội dung nào của bài học cũng có thể đưa ra thảo luận, chỉ có những vấn đề đảm bảo những yêu cầu trên mới nên thành câu hỏi thảo luận. Bên cạnh đó câu hỏi thảo luận còn phải rõ ràng, cụ thể phù hợp với nội dung bài học, trình độ nhận thức của HS.

Sau khi nhận nhiệm vụ, các thành viên trong nhóm ngồi quay mặt lại với nhau để tiến hành bàn bạc, thảo luận, từng thành viên đưa ra ý kiến của mình, cả nhóm bàn bạc và chọn ra ý kiến hợp lý nhất để trình bày trước lớp. Trong quá trình thảo luận ở những học sinh khác nhau sẽ có những ý

kiến khác nhau về nó, nhất là đối với những câu hỏi mở. Chẳng hạn: Sau khi đọc xong chuyện (“Những quả đào” - TV 2) có học sinh thích bạn Việt vì bạn Việt là người nhân hậu, biết chia sẻ niềm vui cho bạn, biết quan tâm đến bạn... Có học sinh thích bạn Vân vì sự hồn nhiên ngây thơ của bạn, vì bạn cũng háu ăn giống em... Có HS thích người ông vì ông là người quan tâm đến các cháu đi đâu cũng mang quà về cho các cháu, vì người ông trong chuyện giống với ông của em... Hay có HS thích bạn Xuân vì sự hồn nhiên, nhanh nhẩu, vì em cũng thường đem hạt trông trong một cái vò giống bạn... Song dù đưa ra ý kiến như thế nào thì điều quan trọng là các em giải thích, chứng minh được vì sao em đưa ra ý kiến đó để thuyết phục người nghe làm cho họ cũng đồng tình với ý kiến của mình. Chính vì vậy trong quá trình thảo luận nhóm giữa từng HS trong nhóm cũng sẽ có sự bàn bạc, lắng nghe, trao đổi, đánh giá ý kiến của nhau để từ đó chọn ra ý kiến hợp lý nhất. Như vậy trong bản thân nhóm đã có sự tương tác giữa các thành viên.

Khi các nhóm đã lựa chọn được cách giải quyết hợp lý nhất dưới sự tổ chức của GV đại diện các nhóm lần lượt trình bày ý kiến của nhóm mình trước lớp, các nhóm khác tập trung lắng nghe và thể hiện quan điểm của mình về ý kiến của nhóm bạn (Đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?), nhóm vừa trình bày phải giải thích hoặc cung cấp thêm thông tin để trả lời cho những thắc mắc, chất vấn của nhóm bạn. Ở khâu này có sự tác động qua lại giữa những thành viên ở các nhóm khác nhau.

GV lúc này một mặt trong vai trò trọng tài lắng nghe ý kiến của các nhóm và khẳng định ý kiến hợp lý nhất, hay nhất, mặt khác trong vai trò của người hướng dẫn sẽ giảng giải thêm về vấn đề đang thảo luận và động viên các nhóm, góp ý để ý kiến của các nhóm có sức thuyết phục hơn, điều chỉnh, uốn nắn những ý kiến “lạc đề”... Việc HS đưa ra được những nội dung này cũng có ý đúng nhưng nó mới chỉ đề cập đến một phương diện của bài đọc.

Nội dung của bài đọc này có ý nghĩa khái quát hơn đó là: Người mẹ có thể làm tất cả vì con, để đi được đến kết luận khái quát này HS cần có sự định hướng của GV trong quá trình thảo luận đặt biệt là kết luận của GV sau khi HS báo cáo kết quả thảo luận. Bởi nó là cơ sở cho HS đối chiếu với kết quả làm việc mình để kiểm tra và điều chỉnh nó theo hướng khoa học hơn. Không những thế trong quá trình tiếp nhận tín hiệu ngược từ phía học sinh GV sẽ có biện pháp duy trì hay điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp... Làm như vậy là GV đã tác động đến HS và HS cũng đã tác động đến GV.

Từ những phân tích trên ta thấy, trong thảo luận nhóm những điều học sinh học được là kết quả của sự tự vận động của bản thân và sự hợp tác, giao lưu với các thành viên trong nhóm, với GV thông qua việc trình bày ý kiến của mình, lắng nghe ý kiến của bạn, của thầy, trao đổi với bạn, với thầy về ý kiến của mình. Nhờ đó sự tác động nhiều chiều như vậy mà những kiến thức được hình thành trở nên sâu sắc, toàn diện và bền vững hơn, quan hệ giữa GV - HS trở nên khăng khít hơn. GV với tư cách là người hướng dẫn đã hoàn thành tốt cả hai nhiệm vụ là tổ chức và hợp tác cùng HS trong quá trình các em thực hiện thảo luận. Điều này thể hiện rõ hơn khi ta xem xét ví dụ sau:

Tiết 2 bài tập đọc “Kho báu” trong sách TV 2 có thể dạy theo 2 cách:

Cách 1: Cả lớp đọc từng đoạn và trả lời câu hỏi do GV nêu ra. Các câu hỏi này đã có sẵn trong sách giáo khoa, đây là cách làm thông thường hiện nay.

Cách 2: Cho HS chia nhóm để các nhóm có thể thảo luận một cách dễ dàng, GV có thể biên soạn lại những câu hỏi trong sách giáo khoa thành những vấn đề lớn như: Người nông dân dặn con điều gì trước khi mất? Hai con đã thực hiện ra sao? Họ hiểu kho báu mà người cha dặn nghĩ là gì? Sau đó giáo viên giao cho mỗi nhóm thảo luận một vấn đề và trình bày ý kiến của nhóm về vấn đề đó. Cách dạy này có khả năng lôi cuốn HS cùng tham gia tìm

hiểu nội dung bài. Những hiểu biết mà HS thu được trong quá trình thảo luận là do kết quả của sự khám phá hợp tác của HS .

Như vậy trong thảo luận nhóm quan hệ giữa HS - HS, HS - GV là quan hệ biện chứng, thống nhất với nhau nó làm cho hiệu quả dạy học được nâng cao. Vậy yếu tố môi trường trong thảo luận nhóm là gì? Nó có ảnh hưởng như thế nào đối với cả GV và HS? Có thể nói môi trường trong thảo luận nhóm chính là không khí học tập tích cực, sôi nổi giữa từng thành viên trong nhóm, giữa các nhóm và giữa HS với GV. Bầu không khí này được hình thành trên cơ sở GV giao nhiệm vụ phù hợp với nhận thức của HS làm kích thích sự suy nghĩ, hợp tác của các em, là tâm thế của học sinh khi thảo luận. Khi bầu không khí này được hình thành thì nó lại làm cho HS hứng thú hơn trong việc từ đó mà hiệu quả thảo luận được nâng lên. Tuy nhiên trong quá trình dạy học không nên lạm dụng hình thức này, chỉ những vấn đề cần thiết (có thể thảo luận được) mới nêu thành đề tài thảo luận. Và để có thể dạy học theo cách này đạt hiệu quả cao, thì GV giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi với tư cách là người hướng dẫn GV một mặt phải lựa chọn nội dung thảo luận cho phù hợp với nội dung bài học, nhận thức của HS, mặt khác phải có khả năng tổ chức, bao quát lớp học

2.2.2. Phương pháp đàm thoại

Đây là phương pháp được sử dụng nhiều nhất trong các giờ học tiếng. Khác với diễn giảng (chỉ có giáo viên nói là chính), đàm thoại có sự tham gia tích cực của HS vào việc tìm hiểu, xây dựng bài. Phương pháp đàm thoại được xây dựng trên cơ sở các câu hỏi và các câu trả lời.

Ưu điểm của phương pháp này là ở chỗ thu hút được phần lớn HS trong lớp cùng tích cực làm việc để tiếp nhận tri thức.

Để phương pháp đàm thoại có hiệu quả, giáo viên cần nắm vững cách đặt vấn đề và cách nêu câu hỏi. Yêu cầu chung của các câu hỏi:

Câu hỏi phải được diễn đạt rõ ràng, sáng sủa. Nội dung câu hỏi vừa sức với ba đối tượng HS (khá giỏi, trung bình, yếu kém)

Câu hỏi kích thích được khả năng suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo của HS

Không nên đặt câu hỏi trả lời theo nhiều cách đều đúng.

Không nên gộp nhiều câu hỏi nhỏ trong một câu hỏi lớn.

Tránh những câu hỏi chỉ cần trả lời “ có” hay “ không” là xong.

Bình thường đàm thoại được bắt đầu từ những câu hỏi có chủ định, xác lập mối quan hệ giữa tài liệu mới và cũ, giúp HS khôi phục trong trí nhớ những điều đã quên. Cuộc đàm thoại được hoàn thành với những câu hỏi mà căn cứ vào đó có thể kiểm tra mức độ thu nhận nội dung kiến thức của HS.

Trong dạy học tiếng, đàm thoại là phương pháp quan trọng, ở chỗ nó thể hiện được tính chất bộ môn (thực hành ngôn ngữ) và phát huy được tính chủ động sáng tạo của HS trong giờ học. Áp dụng tốt phương pháp này sẽ giúp người học khắc sâu kiến thức, nhớ lâu những điều mà bản thân mình đã suy nghĩ và chủ động tìm ra.

Muốn đàm thoại có kết quả giáo viên và HS cần phải được chuẩn bị chu đáo (về bài cũ và bài mới, tránh tình trạng HS không học bài, không có tâm thế gì để tiếp thu kiến thức, lên lớp chỉ để cho đủ điều kiện dự thi) Tùy theo từng mục, từng bài, tùy theo mức độ hứng thú của học sinh mà phương pháp này có thể chiếm số lượng thời gian khác nhau trong một buổi học.

2.2.3. Phương pháp thực hành

Phương pháp thực hành giao tiếp là phương pháp dẫn dắt HS vận dụng lí thuyết đã học vào thực hiện các hoạt động giao tiếp thông qua các tình huống cụ thể. Để thực hiện tốt phương pháp này cần chú ý đến các yếu tố: Mục đích giao tiếp, nội dung giao tiếp, nhân vật giao tiếp, cách thức và hoàn cảnh giao tiếp.

Phương pháp giao tiếp được áp dụng khi dạy từ ngữ, câu, phong cách,

hội thoại, tập làm văn...

Giao tiếp vừa là mục đích, vừa là phương tiện tổ chức các hoạt động dạy học của HS

Các thao tác cơ bản: 4 Thao tác

Tạo tình huống kích thích nhu cầu giao tiếp cho HS (Mục đích, nội dung, nhân vật giao tiếp, cách thức giao tiếp).

HS can cứ nhiệm vụ giao tiếp để tạo ra lời nói cụ thể

Đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm về mẫu lời nói được tạo ra

Rút ra kiến thức cần ghi nhớ

Ứng dụng thực hành trong tình huống giao tiếp khác.

VD: Dạy phương châm hội thoại

Hướng dẫn HS phân tích các nhân tố giao tiếp trong cuộc thoại mẫu (có vi phạm phương châm hội thoại)

Yêu cầu HS thể hiện lời nói của mình trong tình huống đó

Nhận xét, đánh giá mức độ phù hợp của lời nói vừa tạo ra

Rút ra những kiến thức cần nhớ.

Thực hành phân tích một cuộc thoại tương tự để khắc sâu kiến thức

Chú ý:

Trong thực tế dạy học, các phương pháp không hoàn toàn tách biệt nhau. Mỗi phương pháp có đặc thù và chỗ mạnh riêng, GV phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo mới thu được kết quả mong muốn.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, trong dạy học không có phương pháp nào chiếm vị trí độc tôn. Có những bài, những nội dung cụ thể có thể ưu tiên sử dụng một phương pháp nào đó nhưng nhìn chung cần vận dụng tổng hợp, hài hòa nhiều PPDH mới có thể mang lại hiệu quả cao.

2.2.4. Phương pháp trò chơi

Đối với HS lớp 2 học tập là hoạt động chủ đạo, tuy nhiên vui chơi vẫn

chiếm vị trí quan trọng đời sống của các em. Với tư cách là một PPDH, phương pháp trò chơi là cách thức GV tổ chức cho HS hoạt động theo một luật chơi nhất định thông qua đó giúp các em lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức, luyện tập các kỹ năng, kỹ xảo một cách sinh động nhẹ nhàng, đem lại hiệu quả cao. Như vậy trò chơi học tập là một loại trò chơi đặc biệt chỉ có trong quá trình dạy học. Mục đích của nó không chỉ nhằm giải trí mà còn góp phần củng cố tri thức, kỹ năng học tập cho học sinh, tạo cơ hội giao lưu với mọi người, cùng hợp tác với bạn bè, đồng đội trong nhóm, đội .

Trong quá trình dạy học có thể sử dụng nhiều trò chơi khác nhau. Song dù sử dụng trò chơi học tập nào thì GV cũng phải tiến hành theo đúng các bước sau: Giáo viên phổ biến luật chơi và phân công chơi, sau đó tổ chức cho học sinh tiến hành chơi, đối với những trò chơi phức tạp GV có thể tổ chức cho các em chơi thử một vài lần trước khi chơi thật; Khi trò chơi kết thúc GV nhận xét về cách chơi, thái độ, thành tích của các đội.

Trong môn học TV trò chơi học tập được sử dụng ở nhiều khâu, nhiều giai đoạn của bài học, nội dung trò chơi phải gắn với việc rèn luyện một tri thức, kỹ năng nào đó, chẳng hạn: Trò chơi tìm nhanh từ gần nghĩa nhằm rèn luyện kỹ năng nhận biết từ gần nghĩa đã được học trong chương trình TV, trò chơi đọc thơ truyền điện nhằm rèn cho các em kỹ năng đọc thuộc nhanh câu thơ, bài thơ đã học thuộc lòng... cho nên để phát huy tác dụng của trò chơi trong quá trình dạy học TV, GV cần tuân thủ chặt chẽ quy trình tiến hành trò chơi, cụ thể là:

Sau khi đã lựa chọn được trò chơi phù hợp, GV nêu tên trò chơi và phổ biến luật chơi cho HS, luật chơi thể hiện mục đích, nội dung của trò chơi, nó chỉ ra cách thức hoạt động của HS trong quá trình chơi do đó nó quyết định mức độ hợp tác giữa HS - HS, HS - GV khi chơi cũng như hiệu quả của trò chơi trong quá trình dạy học TV. Luật chơi phải rõ ràng, đơn giản dễ nhớ, dễ thực hiện, phù hợp với nội dung bài học và trình độ nhận thức của HS.

Tiếp theo GV phân công chơi, để đảm bảo cho mọi HS đều có thể tham gia và hứng thú với trò chơi cũng như hỗ trợ cho nhau trong khi chơi GV cần phân công chơi sao cho ở mỗi đội chơi đều có đội trưởng (Do GV chỉ định hoặc do học sinh tự chọn), các đội chơi tương đương nhau về sức khoẻ, giới tính, trình độ nhận thức, khả năng hợp tác... Để góp phần đa dạng hoá các hình thức đánh giá kết quả học tập của HS cũng như tăng cường sự tác động qua lại giữa những HS với nhau, GV có thể thành lập một tổ trọng tài từ 3 đến 5 em tham gia đánh giá kết quả chơi của các nhóm.

Khi có lệnh “Bắt đầu!” HS tiến hành chơi. Để dành phần thắng về mình các thành viên trong đội sẽ phải trao đổi, bàn bạc với nhau để tiến hành trò chơi nhịp nhàng với nhịp độ nhanh, không những thế HS còn phải quan sát cách chơi của bạn tìm ra ưu điểm, nhược điểm trong cách chơi của bạn để học tập hoặc rút kinh nghiệm cho bản thân. Đối với những trò chơi phức tạp đòi hỏi sự hợp tác cao GV có thể cho HS chơi thử để làm quen với trò chơi trước khi chơi thật. Trong khi HS tiến hành chơi GV cùng tổ trọng tài chú ý quan sát cách chơi của các đội, nhắc nhở những đội, những HS chơi chưa tốt, sai luật. Khi có lệnh “Kết thúc” HS ngừng chơi, tổ trọng tài kiểm tra kết quả chơi của các đội dưới sự giám sát chặt chẽ của GV và tuyên bố đội thắng. Lúc này GV trong vai trò là trọng tài chính sẽ đưa ra nhận xét cuối cùng về cách chơi, kết quả cũng như thái độ của từng đội, từng HS trong khi chơi, nhận xét của GV có tác dụng giúp HS điều chỉnh cách chơi, thái độ...

Tóm lại: Từ quy trình tổ chức trò chơi học tập như trên chúng ta thấy: Trong trò chơi học tập có sự tương tác giữa HS - HS, HS - GV, HS - GV - môi trường, cụ thể là: Để có thể “Chơi” được trong nhóm thì HS phải thảo luận, phải trao đổi với nhau để giải quyết các yêu cầu do trò chơi đặt ra, đồng thời phải hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để tiến hành trò chơi một cách nhịp nhàng, nhanh chóng. Không những thế thông qua việc cùng chơi với bạn, HS có thể

nhận được những tín hiệu đồng tình hay không đồng tình của bạn để điều chỉnh cách chơi cho phù hợp, sau khi trò chơi kết thúc dưới sự hướng dẫn của giáo viên HS còn được tham gia vào quá trình đánh giá sản phẩm do chính mình tạo ra. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy vai trò người “Thợ chính” của HS, làm cho sự tương tác giữa HS - HS được tăng cường.

Trong trò chơi sự tác động qua lại giữa GV - HS thể hiện ở chỗ GV thực hiện tác động sư phạm đến HS thông qua việc tổ chức trò chơi học tập cho HS. Còn HS trong quá trình tham gia trò chơi đã thể hiện mức độ nắm vững kiến thức, mức độ thành thục mặt kỹ năng, thái độ của HS khi chơi, mức độ hợp tác giao lưu với bạn... đó là những tín hiệu ngược phát ra từ phía HS nó là cơ sở để GV xác định hiệu quả của tác động sư phạm để từ đó mà có biện pháp duy trì hoặc điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy của mình cũng như những thái độ hoạt động tiêu cực từ phía HS. Trong PPDH này tâm thế, sự hứng khởi của HS khi chơi dưới sự hướng dẫn của GV đã tạo ra môi trường học tập sôi nổi, hào hứng có tác dụng kích thích HS chơi tốt hơn, học tốt hơn. Như vậy trong quá trình dạy học thông qua việc tổ chức trò chơi học tập cho HS sự tương tác giữa GV - HS - môi trường diễn ra mạnh mẽ và tất cả sự tương tác đó đều nhằm mục đích tác động đến quá trình nhận thức của HS, kích thích tích cực, tự giác và hợp tác của các em trong quá trình học tập. Sau đây là một số trò chơi thể hiện rõ nét sự tương tác giữa GV - HS - môi trường:

Ví dụ 1: Trò chơi: *Ai tìm từ giỏi*. Được sử dụng cho tất cả các bài ôn tập phân học vần

Chuẩn bị: GV chuẩn bị các thẻ hình chữ nhật trên đó ghi các âm, vần HS đã được học trong tuần. Ví dụ: Ở tuần 7 có các vần, ai, ai, ôi, oi, uu, ui, ui, uoi, uôi, ay, ây.

Cách thức tiến hành :

- Luật chơi: Khi trọng tài lấy một thẻ chữ bất kỳ giơ cho mọi người

nhìn rõ và hô “bắt đầu” từng thành viên trong nhóm nhanh chóng thảo luận để tìm từ, tiếng có âm vần có trong thẻ chữ và ghi vào giấy. Hết thời gian quy định các nhóm nhanh chóng dán kết quả lên bảng để tổ trọng tài kiểm tra và ghi điểm

- Phân công chơi:

+ GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, số lượng thành viên trong mỗi nhóm là như nhau, mỗi nhóm chuẩn bị một mảnh giấy nhỏ trên đó ghi sẵn tên của nhóm.

+ GV cử 1 nhóm từ 3 -5 học sinh làm trọng tài.

- Tiến hành chơi: HS tìm từ tiếng có âm, vần trong thẻ chữ rồi ghi vào giấy.

- Nhận xét: Tổ trọng tài căn cứ vào số lượng và độ chính xác của từ, tiếng các đội tìm được, mức độ làm xong nhanh hay chậm của các nhóm...

Trò chơi 2: Đối với các bài như: Đôi giày, có công mài sắt có ngày nên kim, quả tim của khi... GV có thể hướng dẫn HS thi đóng hoạt cảnh thể hiện theo nội dung tác phẩm giữa các nhóm như: Đóng hoạt cảnh thể hiện nội dung câu chuyện “Có công mài sắt, có ngày nên kim”; đóng hoạt cảnh theo nội dung câu chuyện “Đôi giày”; em hãy đóng vai một trong hai con vật để kể lại câu chuyện “Quả tim khi”... Để việc đóng vai trò đó đạt hiệu quả cao cũng như kích thích tinh thần thi đua giữa các nhóm GV có thể chuẩn bị một số đồ dùng làm dụng cụ minh họa như: Chuẩn bị một thỏi sắt, một cây kim, một cái khăn để dựng hoạt cảnh bài “Có công mài sắt, có ngày nên kim” hoặc một số chiếc giày để đóng hoạt cảnh trong bài “Đôi giày”...

Để trò chơi kích thích được sự cọ sát giữa các thành viên trong nhóm cũng như tăng tính chất quyết liệt GV thể yêu cầu HS thảo luận, phân vai dựng lại chuyện, sau mỗi lần các thành viên trong nhóm dựng lại câu chuyện ở nhóm mình các thành viên khác nhận xét, góp ý và cử một số bạn đóng tốt

nhất tham gia thi trước lớp. Nội dung thi: mỗi tổ cử một số bạn đại diện dựng lại câu chuyện, GV lập tổ trọng tài cho điểm vào bảng con (đối với HS nhỏ) hoặc cho điểm vào giấy (đối với HS lớn), nhóm nào, tổ nào được nhiều điểm là thắng.

Từ những ví dụ trên ta thấy nếu GV chỉ sử dụng PPDH truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, ... thì sự tác động của GV - HS chỉ là sự tác động một chiều và chỉ tác động lên một số ít HS (Những HS trả lời hoặc làm bài tập), giờ học vẫn sẽ được đánh giá là thành công nếu như trong giờ học đó có một hoặc một vài HS tham gia làm bài tập hoặc trả lời câu hỏi do GV đưa ra. Trong khi đó phần lớn HS ngồi chơi, ngồi “đẹp” để cô giáo không để ý. Giờ học lúc này chỉ yêu cầu HS một phương thức hành động duy nhất là dùng lời dẫn đến tình trạng học sinh ngại học, không hứng thú với việc học. Song nếu GV biết cách tổ chức khâu này theo hướng tổ chức trò chơi học tập theo nhóm nhỏ thì thông qua sự cọ xát, tương tác giữa các HS với nhau, những kiến thức kỹ năng được củng cố một cách nhẹ nhàng, hiệu quả hơn.

2.3. Hình thức dạy học

2.3.1. Học cá nhân trên lớp

Đứng trên lập trường của PPSPTT có thể hiểu hình thức dạy học cá nhân là hình thức dạy học mà HS được lĩnh hội kiến thức thông qua sự giúp đỡ, hướng dẫn của GV. GV có thể hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập cho từng HS để đáp ứng yêu cầu học tập của các em và ngược lại từng HS có thể làm việc trực tiếp với GV .

Giáo dục học hiện đại đã chỉ ra rằng: Việc tổ chức dạy học theo hình thức học cá nhân trên lớp phải được hiện theo đúng trình tự sau: GV giao nhiệm vụ học tập cho từng HS, sau khi nhận nhiệm vụ học tập HS tiến hành thực hiện các nhiệm vụ được giao, sau đó GV tổ chức cho HS thể hiện kết quả làm việc của mình, GV lắng nghe và nhận xét kết quả học tập của cá nhân. Để

Câu 3: Đánh dấu nhân vào ô trống em lựa chọn.

Truyện vui “Đi chợ” nói lên sự thông minh, nhanh trí của cậu bé.

Truyện vui “Đi chợ” nói đến chuyện tương và mắm ở quê cậu bé rất ngon.

Truyện vui “Đi chợ” nói lên sự ngây thơ ngốc nghếch của cậu bé.

Câu 4: Nếu được trả lời cậu bé thay bà, em sẽ nói với cậu bé thế nào?

(“Đi chợ” - TV2).

Từ phiếu học trên ta thấy: Phiếu học có thể sử dụng trong toàn bộ tiến trình lên lớp, nhưng cũng có thể chỉ sử dụng ở một khâu nào đó của quá trình. Song về mặt nội dung phiếu học chứa đựng hệ thống kiến thức, kỹ năng cần hình thành cho HS trong quá trình học tập. Chính hệ thống bài tập và nhiệm vụ trong phiếu là phương tiện truyền tải tác động sư phạm của GV tới 100% HS.

Sau khi giao nhiệm vụ học tập cho từng thành viên trong lớp GV sử dụng hệ thống câu hỏi để hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của phiếu sau đó từng thành viên trong lớp tiến hành các hành động học tập để giải quyết các nhiệm vụ, GV lúc này có quan sát, giúp đỡ HS học yếu, động viên HS học tốt.

Khi HS làm bài tập xong GV tổ chức cho HS trình bày kết quả làm việc của mình để HS khác, GV kiểm tra hoặc yêu cầu HS kiểm tra chéo. GV lắng nghe HS trình bày kết quả làm việc của mình, nhận xét sửa sai cho các em và đưa ra đáp án chính xác của các nhiệm vụ học tập đó để “chốt” lại nội dung bài học, ý “chốt” này của GV là thước đo kết quả làm bài của HS.

Như vậy, thông qua phiếu học GV thể hiện vai trò của người hướng dẫn qua việc thiết kế, tổ chức, điều khiển hoạt động giải bài tập và nhiệm vụ của HS theo một trình tự nhất định nhằm giúp HS sáng tạo (với nghĩa là sáng tạo lại) những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho bản thân, đó là cách tối ưu nhất để HS hiểu sâu, rộng những kiến thức, kỹ năng này bởi “Sáng tạo ra sự

vật là cách tốt nhất để hiểu sự vật”

Trong quá trình tác động đến HS, GV cũng thu được những tín hiệu ngược lại từ phía HS cụ thể là: Thông qua quá trình tổ chức, hướng dẫn học sinh học tập và đánh giá kết quả học tập của HS, GV có thể biết được tác động sư phạm của mình là tích cực hay tiêu cực để từ đó có biện pháp duy trì hoặc điều chỉnh nó. Như vậy thông qua phiếu học giáo viên đã tác động tới HS và HS cũng tác động trở lại GV.

Trong khi thực hiện cùng một nhiệm vụ học tập ở những HS khác nhau có thể có những đáp án khác nhau. Chính sự khác nhau này đã thôi thúc các em suy nghĩ, lý giải căn nguyên của hiện tượng trên. Trong quá trình suy nghĩ, lý giải đó các em sẽ phát hiện ra chỗ sai, chỗ đúng, chỗ thiếu ... của bạn, của mình để có biện pháp học tập hoặc sửa chữa. Hoặc khi giải quyết các nhiệm vụ học tập khác nhau thì việc lắng nghe kết quả làm bài của bạn cũng là cách giúp HS lĩnh hội tri thức cho bản thân. Như vậy là thông qua việc thực hiện và thể hiện đáp án của bài tập và nhiệm vụ trong phiếu giữa HS với HS cũng có sự tác động qua lại.

Tuy nhiên trong quá trình tác động qua lại giữa HS - HS, GV đóng vai trò đặc biệt quan trọng bởi với tư cách là người trọng tài GV sẽ lắng nghe và giúp các em xác định đâu là chân lý khoa học để từ đó HS đối chiếu với kết quả làm việc của bản thân để kiểm tra và điều chỉnh nó. Việc làm của GV như vậy là GV đã thực hiện tác động đến HS.

Vậy môi trường trong dạy học cá nhân ảnh hưởng như thế nào đối với GV, HS? Có thể hiểu một cách chung nhất về môi trường trong dạy học cá nhân theo tinh thần của PPSPTT đó là bầu không khí cởi mở, thoải mái nhưng nghiêm túc giữa GV - HS, HS - HS. Môi trường này được xây dựng trên mối quan hệ bình đẳng, cùng hợp tác giữa GV - HS, HS - HS. GV không còn là người đứng ở trên cao áp đặt kiến thức xuống đầu HS, trái lại GV cùng là

người hợp tác, giao lưu với HS để cùng HS giải quyết các nhiệm vụ học tập theo cách của người hướng dẫn. Chính bầu không khí được xây dựng trên quan hệ đó đã kích thích tính tích cực học tập, giao lưu, cùng học cùng tham gia của các tác nhân làm cho nhiệm vụ học tập được giải quyết một cách nhẹ nhàng, hiệu quả.

Bên cạnh việc dùng phiếu bài tập GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi, đàm thoại... trong khi tổ chức hình thức dạy học cá nhân, song việc sử dụng nó phải đảm bảo cho 100% HS được tham gia vào hoạt động học tập và hợp tác với bạn, với thầy.

2.3.2. Dạy học theo nhóm

Dạy học theo nhóm là hình thức dạy học chia lớp thành nhiều nhóm, chế độ hoạt động của HS trong nhóm là: Thảo luận, trao đổi, bàn bạc và kiểm tra chéo nhau trên cơ sở đó mà lựa chọn giải pháp đúng đắn nhất.

Vận dụng kết quả nghiên cứu của giáo dục học về hình thức tổ chức dạy học theo nhóm vào một môn học cụ thể là môn TV ở lớp 2, chúng tôi nhận thấy muốn sử dụng hình thức dạy học này cần thực hiện các công việc sau:

Để có thể dạy học theo nhóm trước hết phải có nhóm học tập, muốn vậy GV phải nắm được kỹ thuật chia nhóm tùy theo nội dung, tính chất bài học, môn học mà GV chia nhóm theo trình độ, sở thích của HS hay tổ chức các nhóm hỗn hợp. Việc chia nhóm của HS không nên cố định trong một thời gian dài bởi nó ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp, hợp tác của HS. Có thể nói lúc này giờ học lúc này được cấu thành bởi từng nhóm học tập nhỏ thay vì cá nhân riêng lẻ...

Sau khi chia nhóm GV giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm, nhiệm vụ học tập này có thể giống hoặc khác nhau ở các nhóm song phải được xây dựng trên cơ sở nội dung bài học và trình độ nhận thức của HS. Chính nhiệm vụ học tập làm nên nét khác biệt giữa nhóm học tập với nhóm ngoài xã hội, nhiệm vụ

này sẽ quy định sự tồn tại của nhóm, cách thức tổ chức nhóm trong dạy học, tạo nên dự giảng buộc trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi thành viên. Chính nhờ điều này mà nhóm và hình thức dạy học theo nhóm trở thành một phương tiện dạy học đạt hiệu quả cao đặc biệt trong việc hình thành các phẩm chất trí tuệ, phẩm chất nhân cách của con người trong xã hội cùng tồn tại, phát triển. Nhiệm vụ học tập của nhóm về mặt hình thức được thể hiện bằng phiếu hoặc bằng lời, về mặt nội dung đó là hệ thống các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ của HS trong một giờ học, một bài học. Sau đây là một số nhiệm vụ học tập thường được sử dụng trong dạy học theo nhóm ở một số phân môn của môn TV:

Ví dụ 1: GV phát phiếu cho các nhóm tìm hiểu từng phần của bài đọc:

Nhóm 1 (trung bình): Nai nhỏ đã kể cho cha nghe những hành động nào của bạn?

Nhóm 2 (khá): Khi nghe Nai nhỏ kể về hành động gì của bạn thì người cha mới yên tâm? Vì sao?

Nhóm 3 (giỏi): Câu chuyện này muốn nói với chúng ta điều gì?

(*“Bạn của Nai nhỏ” - TV2*)

Ví dụ 2: Em sẽ nói gì khi:

- Lỡ dẫm vào chân bạn.
- Em mãi chơi, quên làm việc nhà.
- Em đùa nghịch và phải một cụ già.

(*“Nói lời xin lỗi” - TV 2*)

Ví dụ 3: Hãy thảo luận với bạn cùng bàn với em để nói đúng nhân vật với giọng điệu của nó và phân vai để dựng lại câu chuyện trên.

Người dẫn chuyện: Diễm tĩnh, giả bộ lễ phép, cầu khẩn.

Ngựa: Vui, pha chút hài hước.

Sói: Gian xảo nhưng giả bộ hiền từ.

(*“Bác sỹ Sói” - TV 2*)

Sau khi nhận nhiệm vụ học tập các nhóm trưởng đọc nội dung thảo luận cho từng thành viên trong nhóm nghe, dưới sự điều khiển, phân công của nhóm trưởng các thành viên trong nhóm lần lượt trao đổi, bàn bạc về nội dung học tập từ đó chọn ra giải pháp hợp lý nhất để chuẩn bị trình bày trước lớp. GV trong quá trình học sinh làm bài cần bao quát lớp, không để các em đùa nghịch làm ảnh hưởng đến hoạt động học tập của cả nhóm. Để bao quát được lớp GV cần đến với các nhóm, giúp các em học tập đồng thời động viên các em tham gia học tập cùng nhóm, em nào mãi chơi, mãi nghịch giao viên cần nhắc nhở ngay, ý kiến của nhóm có thể được trình bày bằng lời hoặc tóm tắt trên giấy khổ lớn. Sau mỗi lần các nhóm trình bày cần có thời gian để học sinh nhóm khác hỏi, thắc mắc, chất vấn và nhóm vừa trình bày phải giải thích thêm hoặc cung cấp thêm thông tin. Kết thúc thảo luận GV tổng kết, “chốt” lại ý đúng và giảng giải thêm cho HS hiểu sâu hơn về nhiệm vụ học tập.

Tiểu kết chương 2

Từ quy trình tổ chức dạy học theo nhóm như trên trên chúng ta thấy trong hình thức dạy học theo nhóm những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà HS lĩnh hội được hình thành thông qua quá trình tự vận động của bản thân và trao đổi giao lưu với bạn, thầy. Trong quá trình đó các em còn biết cách lắng nghe, kiểm tra, kiểm soát đánh giá công việc của nhóm của từng thành viên và của bản thân mình. Nhờ sự tác động nhiều chiều như vậy mà tri thức được hình thành trở nên sâu sắc hơn, bền vững hơn. Bầu không khí học tập tích cực, sôi nổi của nhóm có tác dụng kích thích HS tiếp thu kiến thức, trách nhiệm với việc học của mình tạo cho các em cơ hội trình bày quan điểm, suy nghĩ, ý tưởng của mình với bạn, với thầy cô thông qua đó học được cách hợp tác, thích nghi với môi trường tập thể. Từ đó hình thành nên mối liên hệ giữa các thành viên trong nhóm theo hướng biết chan hoà, thông cảm, động viên, hỗ trợ lẫn nhau. GV thông qua việc lắng nghe ý kiến của HS sẽ có biện pháp

điều chỉnh hoặc tiếp thu tục duy trì những nội dung và phương hướng học của mình đồng thời điều chỉnh được những ý kiến, quan điểm chưa đúng của học sinh. Còn HS sau khi nghe kết luận chung nhất của GV về vấn đề các em đang bàn bạc, các em có thể tự điều chỉnh nhận thức quan điểm của mình làm cho nó trở nên đúng đắn hơn hoặc lĩnh hội nó một cách sâu sắc hơn toàn diện hơn kiến thức lĩnh hội được sẽ giảm bớt tính chủ quan, phiến diện, tính khách quan, khoa học được tăng lên. Có thể nói việc tổ chức dạy học theo nhóm nhỏ không những nâng cao hiệu quả học mà còn rèn luyện cho HS khả năng hợp tác, thích ứng.

CHƯƠNG 3 : THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Những vấn đề chung

Thực nghiệm sư phạm là phương pháp thu nhận thông tin về sự thay đổi số lượng và chất lượng trong nhận thức và hành vi của các đối tượng giáo dục do người nghiên cứu tác động đến chúng bằng một số tác nhân điều khiển và đã được kiểm tra. Thực nghiệm sư phạm được dùng khi đã có kết quả điều tra, quan sát các hiện tượng giáo dục, cần khẳng định lại cho chắc chắn các kết luận đã được rút ra. Thực nghiệm sư phạm cũng là phương pháp được dùng để kiểm nghiệm khi nhà khoa học sư phạm, nhà nghiên cứu, đề ra một giải pháp về phương pháp giáo dục, một PPDH mới, một nội dung giáo dục hay dạy học mới, một cách tổ chức dạy học mới, một phương tiện dạy học mới....

Để kiểm chứng năng lực sử dụng TV của HS lớp 2 qua các phương án đề xuất trong luận văn, chúng tôi đã tiến hành các bước thực nghiệm như sau:

3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm nhằm mục đích kiểm chứng tính hiệu quả của các hướng đề xuất sử dụng PPSPTT trong quá trình dạy học bài Tập đọc và bài Tập làm văn sách TV lớp 2.

3.1.2. Nội dung và tiêu chí đánh giá thực nghiệm

3.1.2.1. Nội dung thực nghiệm

Chúng tôi thiết kế hai giáo án theo phương án đề xuất và tiến hành dạy thực nghiệm, kiểm chứng tính hiệu quả của việc sử dụng PPSPTT trong dạy học:

- Hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của HS (tương tác giữa người học và người học)
- Năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu

hỏi (tương tác giữa người dạy và người học)

- Năng lực lĩnh hội tri thức và kỹ năng TV qua thực hiện bài tập (tương tác giữa người học và môi trường học tập)

3.1.2.2. Tiêu chí đánh giá

Với mỗi nội dung chúng tôi tiến hành thử nghiệm trên 40 học sinh và ở từng nội dung đều được cụ thể hoá thành các tiêu chí. Các tiêu chí được đánh giá theo mức độ khác nhau. Cụ thể:

Bài Tập đọc: Chim rừng tây nguyên (TV2, tập 2, trang 34)

a. Hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của HS

Với nội dung này, tiêu chí được đánh giá theo các mức độ: Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4. Theo quy ước:

+ **Mức độ 1:** Tích cực tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận với bạn (khám phá tri thức mới và tích cực).

+ **Mức độ 2:** Có tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập nhưng không đưa ra ý kiến của mình.

+ **Mức độ 3:** Tham gia thụ động theo yêu cầu, không trao đổi, thảo luận với bạn.

+ **Mức độ 4:** Không tham gia hoạt động học tập, không chú ý học

b. Kết quả lĩnh hội tri thức và kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi

Tiêu chí đánh giá cho nội dung này, thể hiện ở ba mức độ khác nhau: hoàn thành, hoàn thành tốt, chưa hoàn thành (theo thông tư 22).

- Mức độ hoàn thành: trả lời được ý chính, nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học, nhưng diễn đạt chưa lưu loát.

- Mức độ hoàn thành tốt: trả lời được ý chính, hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân, diễn đạt lưu loát, rõ ràng.

- Mức chưa hoàn thành: trả lời không đúng nội dung của câu hỏi.

c. Kết quả lĩnh hội tri thức và kỹ năng TV qua thực hiện bài tập

Tiêu chí đánh giá cho nội dung này, cũng thể hiện ở ba mức độ khác nhau: hoàn thành, hoàn thành tốt, chưa hoàn thành (theo thông tư 22).

- Mức độ hoàn thành: Nhận biết hoặc nhớ, nhắc lại đúng kiến thức đã học; diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình và áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập;

- Mức độ hoàn thành tốt: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

- Mức độ chưa hoàn thành: Trẻ chưa vận dụng được kiến thức kỹ năng vào giải quyết vấn đề.

Bài tập làm văn: Chia vui. Kể về anh chị em (TV2, tập 2, trang 90)

a. Hình thức hoạt động học tập, hợp tác của HS

Với nội dung này, tiêu chí được đánh giá theo các mức độ: Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4. Theo quy ước:

+ **Mức độ 1:** Tích cực tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận với bạn (khám phá tri thức mới và tích cực).

+ **Mức độ 2:** Có tham gia giải quyết các nhiệm vụ học tập nhưng không đưa ra ý kiến của mình.

+ **Mức độ 3:** Tham gia thụ động theo yêu cầu, không trao đổi, thảo luận với bạn.

+ **Mức độ 4:** Không tham gia hoạt động học tập, không chú ý học

b. Kết quả lĩnh hội tri thức và kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi

Tiêu chí đánh giá nội dung này, thể hiện ở ba mức độ khác nhau: hoàn thành, hoàn thành tốt, chưa hoàn thành (theo thông tư 22).

- Mức độ hoàn thành: trả lời được ý chính, nhưng diễn đạt chưa lưu loát.

- Mức độ hoàn thành tốt: trả lời được ý chính, diễn đạt lưu loát, rõ ràng.

- Mức chưa hoàn thành: Trả lời không đúng nội dung của câu hỏi.

c. Kết quả lĩnh hội tri thức và kỹ năng TV qua thực hiện bài tập

Tiêu chí đánh giá nội dung này, cũng thể hiện ở ba mức độ khác nhau: hoàn thành, hoàn thành tốt, chưa hoàn thành (theo thông tư 22).

- Mức độ hoàn thành: Nhận biết hoặc nhớ, nhắc lại đúng kiến thức đã học; diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình và áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập;

- Mức độ hoàn thành tốt: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

- Mức chưa hoàn thành: Trả lời không đúng nội dung của câu hỏi.

3.1.3. Đối tượng thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm trên khối lớp 2, Trường Tiểu học Tô Hiệu - huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn La.

Chúng tôi chọn ra 2 lớp, 1 lớp làm thực nghiệm và 1 lớp làm đối chứng. Các lớp thực nghiệm và đối chứng có sự cân bằng về mọi phương diện (số lượng học sinh, trình độ nhận thức) ở tất cả các lớp.

Cụ thể: - Lớp 2A (lớp thực nghiệm): 40 HS

- Lớp 2B (lớp đối chứng) : 40 HS

3.1.4. Thời gian, địa bàn thực nghiệm

- Thời gian: Năm học 2016 - 2017

- Địa bàn thực nghiệm: Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3.1.5. Phương pháp thực nghiệm

- Lập kế hoạch và xây dựng mẫu phiếu khảo sát
- Xác định đối tượng khảo sát:
 - + Khảo sát hai lớp: Lớp 2A (lớp thực nghiệm - TN) và lớp 2B (lớp đối chứng - ĐC)
 - + Mẫu nghiên cứu là 80 học sinh/ 2 lớp

3.2. Thiết kế và đánh giá kết quả thực nghiệm

3.2.1. Thiết kế thực nghiệm

Chúng tôi biên soạn 2 giáo án có sử dụng PPSPTT. Sở dĩ tôi chọn thực nghiệm trong giờ Tập làm văn và Tập đọc bởi trong giờ học này HS thường thụ động nghe GV giảng bài, ít có cơ hội tham gia vào quá trình học tập hợp tác với bạn và cũng ít có cơ hội thể hiện hiểu biết năng lực của mình, cụ thể là:

3.2.1.1. Bài thiết kế giáo án dạy thực nghiệm

Bài Tập đọc: Chim rừng tây nguyên; (TV2, tập 2, trang 34) (Thiết kế chi tiết ở phần phụ lục)

Bài Tập làm văn: Chia vui. Kể về anh chị em; (TV2, tập 2, trang 90) (Thiết kế chi tiết ở phần phụ lục)

3.2.1.2. Phân tích thiết kế giáo án thực nghiệm

***Bài Tập đọc: Chim rừng tây nguyên (Thiên Lương, TV2, tập 2, trang 34)**

Chúng tôi thiết kế giáo án này với mục đích giúp HS đạt được mục tiêu rèn kỹ năng đọc lưu loát được cả bài, đọc đúng các từ khó, dễ lẫn; nghỉ hơi đúng sau dấu chấm, dấu phẩy, giữa các cụm từ; giọng đọc khi êm ả, khi vui, khi sáng khoái biết nhấn giọng ở từ ngữ gợi tả: chao lượn, rợp, hoà âm, thanh

mảnh. Từ đó giúp HS hiểu được nội dung bài tập đọc: sự phong phú đa dạng và cuộc sống đông vui, nhộn nhịp của các loài chim trong rừng tây nguyên. Qua đó giáo dục, bồi dưỡng tình cảm yêu quý vẻ đẹp thiên nhiên, quê hương, đất nước.

Đồ dùng dạy học được sử dụng trong bài gồm tranh minh họa, phiếu bài tập, bảng phụ, SGK, ... nhằm giúp HS cảm nhận sâu hơn cuộc sống đông vui, nhộn nhịp của các loài chim trong rừng tây nguyên.

Các phương pháp được sử dụng trong bài như sau: trong bài chúng sử dụng phương pháp trực quan để HS quan sát các từ dễ lẫn lên bảng cho HS luyện đọc (Mặt nước, y-rơ-pao, rúi rít, lượn, nhào lộn, trắng muốt), kết hợp giải nghĩa từ khó từ trong chú giải; dùng phương pháp thảo luận nhóm để HS chia sẻ về cách đọc văn bản bài tập đọc; Phương pháp thực hành giao tiếp, phương pháp trò chơi để HS tham gia vào luyện đọc và trả lời các hỏi nắm nội dung bài đọc. Chẳng hạn trong bài HS sẽ trả lời câu hỏi sau:

- Hồ Y - rơ- Pao có những loài chim gì?
- Tìm những từ ngữ tả hành động, màu sắc, tiếng kêu, hoạt động của chúng?
- Với đủ các loài chim hồ Y - rơ - pao vui nhộn như thế nào?
- Con thích nhất cảnh đẹp nào ở hồ Y-rơ –pao?
- Bài văn tả về nội dung gì?

Hình thức tổ chức dạy học ở tất cả các hoạt động đều đi từ hoạt động cá nhân đến nhóm, sau cùng là hoạt động cả lớp.

Quy trình lên lớp như sau:

1. Kiểm tra bài cũ
 - Kiểm tra 2 em đọc bài cũ
 - Trả lời câu hỏi giáo viên nhận xét cho điểm
2. Dạy bài mới

- Giới thiệu bài: GV treo tranh minh họa giới thiệu bài
- GV đọc mẫu cả bài
- GV hướng dẫn HS đọc
- Cho HS đọc câu nối tiếp theo hàng dọc
- GV ghi từ dễ lẫn lên bảng cho HS luyện (Mặt nước, y-rơ-pao, rúi rít, lượn, nhào lộn, trắng muốt)
- Cho HS luyện đọc từ dễ lẫn. Kết hợp giải nghĩa từ khó từ trong chú giải (Cá nhân đọc- cả lớp đọc đồng thanh)
 - a. Luyện đọc đoạn
 - GV chia đoạn (2 đoạn)
 - Từ đầu đến “lặn xuống” một đoạn
 - Đoạn 2: Còn lại
 - Cho HS đọc nối tiếp đoạn trong bài (Đọc theo hàng ngang)
 - GV treo bảng phụ đã viết sẵn đoạn văn dài trong đoạn 2 lên bảng và hướng dẫn HS đọc
 - GV đọc mẫu. Yêu cầu HS đọc và phát hiện ra chỗ ngắt, nghỉ của đoạn văn, từ cần nhấn giọng, giáo viên dùng phấn khác màu vạch chỗ ngắt trong đoạn văn và từ cần nhấn giọng.
 - b. Tìm hiểu bài:
 - Cho HS đọc thầm 1 đoạn và trả lời câu?
 - ? Hồ Y - rơ- Pao có những loài chim gì? (Đại bàng, Thiên nga, chim Kơ Púc)
 - ? Tìm những từ ngữ tả hành động, màu sắc, tiếng kêu, hoạt động của chúng? (Đại bàng: Chân vàng, mỏ đỏ, tiếng vi vu, vi vút. Thiên nga: Trắng muốt đang bơi lội. Chim kơ púc : Mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt)
 - Cho HS đọc đoạn 2 và trả lời câu hỏi:
 - ? Với đủ các loài chim hồ Y - rơ - pao vui nhộn như thế nào? (Tiếng

hót ríu rít, rộn vang cả mặt nước)

? Con thích nhất cảnh đẹp nào ở hồ Y-rơ –pao (HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân)

Cho một vài em đọc to cả bài văn

? Bài văn tả về nội dung gì?

(GV chốt như yêu cầu)

Cho HS đọc nội dung bài (GV treo nội dung lên bảng)

3. Luyện đọc lại:

- GV đọc lại bài lần 2

Gọi HS đọc cá nhân (Đánh giá cho điểm) (Có thể HS đọc 1 hoặc 2 câu, đoạn, bài tùy theo năng lực của các em) Trong quá trình theo dõi HS đọc GV cần chú ý nghe chính xác các phụ âm khi mà HS hay đọc sai để sửa cho các em ngay khi đọc sai.

Cho HS đọc theo nhóm và thi giữa các nhóm (GV cho HS nhận xét phần thi đọc giữa các nhóm GV nhận xét đánh giá tuyên dương cho điểm giữa các nhóm)

Cho 2 em đọc cả bài

? Con có nhận xét gì về chim rừng Tây Nguyên

4. Củng cố dặn dò:

Về nhà luyện đọc nhiều lần bài văn và chuẩn bị bài giờ sau học.

Từ thiết kế thực nghiệm bài tập đọc: Chim rừng Tây Nguyên, ta thấy thiết kế đã thể hiện rõ những nội dung trọng tâm như: về đọc hiểu, giúp HS hiểu được nội dung bài tập đọc: sự phong phú đa dạng và cuộc sống đông vui, nhộn nhịp của các loài chim trong rừng tây nguyên. Qua đó giáo dục, bồi dưỡng tình cảm yêu quý vẻ đẹp thiên nhiên, quê hương, đất nước.; về giải nghĩa từ khó, củng cố và khắc sâu nghĩa của các từ khó trong bài (Mặt nước, y-rơ-pao, ríu rít, lượn, nhào lộn, trắng muốt); các câu hỏi được sử dụng trong

bài mang tính chất phát hiện, phân tích và khái quát.

***Bài Tập làm văn: Chia vui. Kể về anh chị em (TV2, tập 2, trang 90)**

Chúng tôi thiết kế giáo án này nhằm đạt được mục tiêu của bài học là rèn luyện cho HS kỹ năng nghe và nói. HS biết nói lời chia vui (chúc mừng) hợp tình huống giao tiếp (BT1, BT2), biết được những tình cảm đẹp đẽ trong gia đình; rèn kỹ năng viết đoạn văn ngắn kể về anh, chị, em. (BT3); Hiểu được tình cảm tốt đẹp trong gia đình; Thể hiện sự cảm thông, xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, từ đó HS có ý thức trân trọng tình cảm anh chị em trong gia đình.

Đồ dùng dạy học được sử dụng trong bài gồm: Tranh minh họa bài tập 1, Bảng phụ, bút dạ, phiếu hướng dẫn, một số tình huống để HS nói lời chia vui.

Các phương pháp được sử dụng trong bài như: phương pháp dạy học theo nhóm, HS thảo luận: *khi ai đó gặp chuyện buồn, chúng ta phải làm gì? Nói lời chia buồn hay an ủi gì?* phương pháp thực hành luyện tập nhằm mục đích rèn kỹ năng nghe nói: HS biết nói lời chia vui (chúc mừng) hợp tình huống giao tiếp (BT1, BT2), kỹ năng viết đoạn văn ngắn kể về anh, chị, em. (BT3); phương pháp trò chơi học tập; phương pháp hỏi đáp, phương pháp giải quyết vấn đề,...nhằm giúp HS thể hiện sự cảm thông, xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, từ đó HS có ý thức trân trọng tình cảm anh chị em trong gia đình.

Hình thức tổ chức dạy học ở tất cả các hoạt động đều đi từ hoạt động cá nhân đến nhóm, sau cùng là hoạt động cả lớp.

Quy trình lên lớp như sau:

- a. Khởi động: Cho HS hát
- b. Bài cũ: Quan sát tranh - trả lời câu hỏi
- Viết tin nhắn

- Gọi HS đọc bài tập 2 của mình (3 HS đọc tin nhắn)

- Nhận xét ghi điểm từng HS

- Bạn nhận xét

c. Bài mới:

* Khám phá

- Khi ai đó gặp chuyện buồn, chúng ta phải làm gì? Nói lời chia buồn hay an ủi gì?

- Vậy khi người khác hạnh phúc, chúng ta sẽ nói gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết điều đó.

* Kết nối:

- Bài 1:

- Treo bức tranh và hỏi trẻ bức tranh vẽ cảnh gì?

- Bé trai ôm hoa tặng chị

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu

- Bạn Nam chúc mừng chị Liên được giải nhì trong kì thi HS giỏi của tỉnh. Hãy nhắc lại lời của Nam.

- Đạt giải nhì trong kì thi học HS giỏi của tỉnh

- Chị Liên có niềm vui gì?

- Nam cũng thấy rất là vui

- Khi chị Liên vui, Nam cũng cảm thấy như thế nào?

- Nam chúc mừng chị Liên như thế nào?

- Tặng hoa và nói: Em chúc mừng chị. Chúc chị sang năm được giải nhất

- Em sẽ thấy rất là vui

- Nếu là em trong trường hợp của Nam, em có cũng sẽ chúc mừng chị của mình như bạn Nam. Cảm nghĩ như thế nào?

*Kết luận: Chị em trong gia đình phải biết thương yêu, cảm thông, chia sẻ với nhau những buồn vui trong cuộc sống

Bài 2:

- Gọi HS đọc yêu cầu bài
- 3 đến 5 HS nhắc lại
- Nếu là em, em sẽ nói gì với chị Liên để chúc - HS nói lời của mình. mừng chị

- Em xin chúc mừng chị./ Chúc chị học giỏi hơn nữa./ Mong chị đạt thành tích cao hơn./ Em rất khâm phục chị./

- HS thực hành sắm vai theo cặp nói lời chúc mừng chị

- Tổ chức cho HS thực hành sắm vai theo cặp

- HS thể hiện

- Nhận xét.

- Hãy viết từ 3 đến 4 câu kể

Bài 3:

Gọi 1 HS đọc yêu cầu về anh, chị, em ruột (hoặc anh, chị, em họ) của em

- HS thực hiện kể về anh, chị, em của mình cho các bạn

- GV nhận xét cùng nghe

- Phải biết thương yêu, đoàn kết, cảm thông, chia sẻ với nhau những buồn vui - Anh, chị, em trong gia đình phải có tình cảm cuộc sống như thế nào?

- 2 dãy HS thi đua thực hiện

- Em rất yêu bé Nam năm nay hai tuổi. Môi bé Nam đỏ hồng, da trắng. Nam luôn tươi cười ngộ nghĩnh. Em rất yêu bé Nam.

- Anh trai em tên là Minh. Anh Minh cao và gầy. Năm nay anh học lớp 4 Trường Tiểu học Tô Hiệu. Anh Nam học rất giỏi. Em rất yêu thương anh trai của mình.

- Yêu cầu HS tự làm
- Gọi HS đọc
- Tổ chức cho HS thực hành theo nhóm đôi
- Chấm điểm 3-5 vở của HS
- Nhận xét
- Từng nhóm HS thể hiện sắm vai theo tình huống trên

c. Thực hành:

- Nhận xét
- Yêu cầu HS nói lời chia vui trong một số tình huống sau:
- Em sẽ nói gì khi bạn đạt thành tích cao trong học tập?
- Khi bạn em được cô giáo khen?

- Nhận xét

* Hoạt động nối tiếp:

- Nhận xét tiết học
- Chuẩn bị bài sau

Khi vận dụng những phương pháp trên vào giảng dạy cho HS, thành tích học tập của các em cao hơn, chất lượng hơn và HS học tập cũng tích cực hơn. Qua thời gian thực học, GV và HS đã được rèn giũa và thực hành qua các tiết dạy Tập làm văn kết quả đạt được rất khả quan, HS tự làm bài tập, tự chiếm lĩnh tri thức qua hình thức tổ chức dạy học của GV, các em làm việc rất hào hứng, thành thạo với mỗi bài, mức độ yêu cầu khác nhau. Chính vì thế kết quả học tập của các em không ngừng đi lên.

3.2.2. Đánh giá kết quả thực nghiệm

3.2.2.1. Bài Tập đọc: Chim rừng tây nguyên (TV2, trang 34)

a. Hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của học sinh

Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và lớp ĐC về hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của HS

Loại lớp	Số lượng HS	Mức độ			
		Mức 1(%)	Mức 2(%)	Mức 3(%)	Mức 4(%)
Lớp 2A	40	61%	36%	3%	
Lớp 2B	40	40%	38%	15%	7%

Qua việc tìm hiểu và dự giờ thăm lớp trong quá trình giảng dạy ở cả lớp TN và lớp ĐC chúng tôi nhận thấy.

Ở lớp TN: HS được hoạt động nhiều hơn dưới nhiều hình thức cá nhân, nhóm ... GV chỉ giữ vai trò là người hướng dẫn, giúp đỡ HS học tập. Phần lớn thời gian là hoạt động độc lập, hoạt động theo từng nhóm nhỏ. Dạy học theo phương pháp này còn hình thành ở HS khả năng phát hiện, kiểm tra, đối chiếu kết quả của mình với bạn.

Ở lớp ĐC HS ít được hoạt động hơn, phần lớn thời gian ngồi nghe thầy giảng, giáo viên giảng giải nhiều, không quán xuyên được lớp học giờ học trở nên nhàm chán, nặng nề, nhiều HS gần như không hoạt động thành ra kiến thức không được khắc sâu, giờ học mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp đủ kiến thức chứ chưa phát huy tính tích cực, trao đổi, hợp tác của HS.

b. Năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi

Bảng 3.2. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi

Câu hỏi khảo sát	Loại lớp	Số lượng HS	Mức độ		
			HT%	HTT%	CHT%
Câu 1	TN	40	53%	47%	0%

	ĐC	40	75%	20%	5%
Câu 2	TN	40	51%	49%	0%
	ĐC	40	73%	24%	3%
Câu 3	TN	40	66%	34%	0%
	ĐC	40	72%	26%	2%
Câu 4	TN	40	56%	44%	0%
	ĐC	40	71%	27%	2%

Từ hai bảng trên ta thấy tỷ lệ HS hoàn thành, hoàn thành tốt ở lớp TN cao hơn hẳn tỷ lệ HS hoàn thành, hoàn thành tốt ở lớp ở lớp ĐC. Từ đó chúng tôi có thể khẳng định được rằng: Việc dạy học TV ở tiểu học có sử dụng PPSPTT đem lại hiệu quả cao hơn.

c. Năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua thực hiện bài tập

Bảng 3.3. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua thực hiện bài tập

Câu hỏi khảo sát	Loại lớp	Số lượng HS	Mức độ		
			HT%	HTT%	CHT%
Bài tập 1	TN	40	50%	50%	0%
	ĐC	40	78%	20%	2%
Bài tập 2	TN	40	53%	47%	0%
	ĐC	40	71%	25%	4%
Bài tập 3	TN	40	56%	44%	0%
	ĐC	40	70%	28%	2%

Từ bảng 3.3 ta thấy tính tích cực tham gia học tập, trao đổi hợp tác với bạn rất tốt. Điều đó cho thấy HS hoàn toàn có khả năng học tập trao đổi, hợp

tác và tự tìm hiểu kiến thức khi có sự hướng dẫn, tổ chức của GV. PPSPTT giúp HS có khả năng tự giải quyết nhiệm vụ bằng năng lực của chính mình, sau đó trao đổi với bạn bè ý kiến của mình. Kết luận của GV là trọng tài giúp các em khẳng định được ý kiến của mình là đúng hay sai để từ đó đối chiếu để kiểm tra và điều chỉnh kết quả, kiến thức, kỹ năng bài học được chuyển vào HS một cách tự nhiên, nhẹ nhàng và chắc chắn.

Với tiết dạy thực nghiệm, GV hướng dẫn HS quan sát các tranh minh họa trong các bài Tập đọc giúp các em hiểu thêm một số chi tiết, tình huống và nhân vật trong bài. Giáo viên chú ý đến từng HS, tôn trọng những phát hiện và ý kiến riêng của từng em, thận trọng khi đánh giá HS, tạo điều kiện để học sinh tự phát hiện và sửa chữa lỗi diễn đạt. GV tổ chức các hoạt động trong giờ học sao cho mỗi HS trong lớp đều được đọc (đọc thành tiếng, đọc thầm, đọc đồng thanh, đọc cá nhân, đọc theo nhóm), được trao đổi ý kiến riêng của mình với thầy cô, bạn bè. Giáo viên tổ chức cho HS cùng cộng tác thực hiện các nhiệm vụ học tập, cùng tham gia các trò chơi luyện đọc nhằm hình thành kiến thức, rèn luyện kỹ năng và phát triển khả năng làm việc với cộng đồng. Các hình thức phổ biến để thực hiện phương pháp cùng tham gia là luyện đọc và trao đổi theo nhóm, đóng vai, thi đua. sử dụng các kỹ thuật dạy học như: kỹ thuật chia nhóm, kỹ thuật giao nhiệm vụ, kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật động não, kỹ thuật “đọc hợp tác”. HS đọc được bài tập đọc một cách trôi chảy, phát âm chuẩn hơn, đã biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, từ chìa khóa, đã thể hiện giọng đọc của mình, tự tin khi đọc bài và trả lời lưu loát, một số em đã đọc diễn cảm rất tốt, thể hiện được tình cảm của mình qua giọng đọc cuốn hút được người nghe. Đặc biệt là lớp 2 A đọc tốt hơn lớp 2B.

3.2.2.2. Bài Tập làm văn: Chia vui. Kể về anh chị em (TV2, trang 90)

a. Hình thức hoạt động học tập, hợp tác của HS

Bảng 3.4: Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và lớp ĐC về hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của HS

Loại lớp	Số lượng HS	Mức độ			
		Mức 1 %	Mức 2%	Mức 3%	Mức 4%
Lớp 2A	40	60%	37%	3%	
Lớp 2B	40	41%	39%	14%	6%

Trong quá trình giảng dạy bài Tập làm văn ở cả lớp TN và lớp ĐC chúng tôi nhận thấy.

Ở lớp TN: HS hoạt động dưới nhiều hình thức cá nhân, nhóm. GV hướng dẫn, giúp đỡ HS học tập. Hình thành ở HS khả năng phát hiện, kiểm tra, đối chiếu kết quả của mình với bạn.

Ở lớp ĐC HS ít hoạt động hơn, phần lớn thời gian ngồi nghe thầy giảng, giáo viên giảng giải nhiều, nhiều HS gần như không hoạt động do vậy kiến thức không được khắc sâu, chưa phát huy tính tích cực, trao đổi, hợp tác của HS.

b. Năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi

Bảng 3.5. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi

Câu hỏi khảo sát	Loại lớp	Số lượng HS	Mức độ		
			HT%	HTT%	CHT%
Câu 1	TN	40	52%	48%	0%
	ĐC	40	76%	19%	5%
Câu 2	TN	40	50%	50%	0%
	ĐC	40	72%	25%	3%

Câu 3	TN	40	65%	35%	0%
	ĐC	40	74%	24%	2%
Câu 4	TN	40	57%	43%	0%
	ĐC	40	72%	27%	1%

Từ bảng tổng hợp kết quả trên ta thấy tỷ lệ HS hoàn thành, hoàn thành tốt ở lớp TN cao hơn hẳn tỷ lệ HS hoàn thành, hoàn thành tốt ở lớp ở lớp ĐC. Từ đó chúng tôi có thể khẳng định được rằng: việc dạy học bài Tập làm văn có sử dụng PPSPTT đem lại hiệu quả cao hơn.

c. Năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua thực hiện bài tập

Bảng 3.6. Tổng hợp kết quả khảo sát hai lớp TN và ĐC về năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua thực hiện bài tập

Câu hỏi khảo sát	Loại lớp	Số lượng HS	Mức độ		
			HT%	HTT%	CHT%
Bài tập 1	TN	40	54%	46%	0%
	ĐC	40	79%	18%	3%
Bài tập 2	TN	40	54%	46%	0%
	ĐC	40	73%	24%	3%
Bài tập 3	TN	40	56%	44%	0%
	ĐC	40	71%	27%	2%

Từ các bảng tổng hợp kết quả hai bài thực nghiệm trên cho ta thấy: GV sử dụng các phương pháp dạy học nói trên là rất hiệu quả. Đặc biệt là các phương pháp đàm thoại giữa GV và HS, phương pháp thảo luận nhóm giữa HS với HS, phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan... đã tạo ra được các mối tương tác giữa GV và HS; giữa HS với HS, GV với HS và môi trường

học tập, tạo ra bầu không khí học tập dân chủ, cởi mở, thân thiện. Do đó mà nó phát huy được tính tích cực tham gia học tập, trao đổi hợp tác với bạn của HS. Điều đó cho thấy HS hoàn toàn có khả năng học tập trao đổi, hợp tác và tự tìm hiểu kiến thức khi có sự hướng dẫn, tổ chức của GV. Chính sự tương tác nói trên đã giúp HS có khả năng tự giải quyết nhiệm vụ bằng năng lực của chính mình, sau đó trao đổi với bạn bè ý kiến của mình. GV là trọng tài, là người điều khiển hoạt động học, hoạt động nhận thức của học sinh, sử dụng các phương tiện dạy học để tổ chức cho HS tiếp cận với các nội dung dạy học, bằng cách đó mà HS tự phát triển và hình thành nhân cách.

Tiểu kết chương 3

Sử dụng PPSPTT trong dạy học TV có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy tính tích cực của HS. Qua thực tế điều tra và tiến hành thực nghiệm về hứng thú hoạt động học tập, hợp tác của HS; năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua trả lời câu hỏi; năng lực lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng TV qua thực hiện bài tập chúng tôi thấy HS đã tự giải quyết nhiệm vụ bằng năng lực của chính mình. Điều đó chứng tỏ những biện pháp đề xuất trong luận văn là phù hợp, đúng hướng với đổi mới PPDH phát huy năng lực người học.

Việc dạy học TV ở lớp 2 có sử dụng PPSPTT đã hình thành và phát triển ở HS năng lực hoạt động, hợp tác với bạn bè làm nâng cao hứng thú học tập nhờ đó mà chất lượng giờ học được tăng cường việc sử dụng phương pháp này trong dạy học TV không chỉ phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý của HS mà còn phù hợp với quan điểm “Lấy HS là trung tâm” trong xu hướng đổi mới dạy học hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu: TV bậc Tiểu học theo PPSPTT là hướng đến việc hình thành các kỹ năng mềm, kỹ năng sống cần thiết cho trẻ. Nội dung kỹ năng sống được thể hiện ở tất cả các nội dung của môn học. Những kỹ năng đó chủ yếu là: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng suy nghĩ sáng tạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm chủ bản thân,..Thông qua các kỹ năng này sẽ giúp trẻ nhận biết được những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống, biết tự nhìn nhận đánh giá đúng về bản thân để tự tin, tự trọng và không ngừng vươn lên trong học tập cũng như cuộc sống. TV sẽ dạy trẻ biết cách giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ với người thân, với cộng đồng và với môi trường tự nhiên, biết sống tích cực, chủ động trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh.

Ngày nay trong xu hướng đổi mới giáo dục, nhà trường phổ thông nói chung và nhà Trường Tiểu học nói riêng luôn lấy HS làm nhân vật trọng tâm. Kết quả học tập của HS được đánh giá cao không chỉ ở mức độ hoạt động nhận thức cá nhân mà còn là mức độ hoạt động của cá nhân trong sự tương tác với nhóm. Vì vậy việc tổ chức dạy - học không những huy động được phương pháp nhận thức cá nhân mà còn cả cách thức giao tiếp, nhận thức của người học vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập. Đó chính là ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu về mặt lý thuyết: PPSPTT với tư cách là một chiến lược dạy học tiến bộ khi được sử dụng trong quá trình dạy học TV ở lớp 2 trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La hoàn toàn có khả năng làm được điều đó bởi: Sự linh hoạt các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp của HS là kết quả của hoạt động nhận thức cá nhân và sự cọ sát giữa cá

nhân với tập thể dưới sự tổ chức hướng dẫn của GV. Không những thế nó còn hình thành ở HS bản lĩnh để giải quyết các vấn đề trong một xã hội thu nhỏ (lớp nhóm) và khả năng thích nghi trong môi trường tập thể.

Kết quả nghiên cứu về mặt thực tiễn: PPSPTT khi được sử dụng trong quá trình dạy học TV ở lớp 2 được thể hiện thông qua PPDH thảo luận nhóm, trò chơi học tập với các hình thức dạy học theo nhóm, cá nhân nên việc nắm vững kỹ thuật tổ chức học tập theo nhóm, cơ sở vật chất đặc biệt là chất lượng của vấn đề đưa ra thảo luận, chất lượng của trò chơi có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định hiệu quả của PPSPTT này.

Tuy nhiên trong quá trình dạy học TV ở lớp 2 GV không chỉ sử dụng một, hai PPDH mà sử dụng nhiều PPDH khác nhau. Do đó phải tùy theo mức độ, tính chất của bài học mà xác định thời điểm thích hợp để vận dụng PPSPTT vào quá trình dạy học. Điều này có nghĩa quan trọng vì nó quyết định chất lượng, hiệu quả của quá trình dạy học TV.

Qua quá trình khảo sát thực tế chúng tôi nhận thấy ở trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, việc sử dụng PPSPTT của GV chưa thật triệt để. Do đó, hiệu quả đem lại không cao, chưa gây hứng thú HS trong khi các em hoàn toàn có khả năng thích ứng với PPSPTT. Và qua thực nghiệm sư phạm chúng tôi đã kiểm chứng được tính khả thi của luận văn. Xây dựng được một số hướng vận dụng PPSPTT trong dạy học TV. Đã thiết kế và dạy thể nghiệm các phương án đề xuất, bước đầu chứng minh được tính khả thi của các phương án đề xuất.

Quá trình nghiên cứu chúng tôi đã thực hiện được mục đích, nhiệm vụ của đề tài luận văn nghiên cứu, giả thuyết khoa học mà đề tài đưa ra.

2. Khuyến nghị

*** Đối với cán bộ quản lý nhà trường**

Chỉ đạo giáo viên dạy học theo hướng phân hóa các đối tượng HS; Chỉ

đạo tốt việc dạy học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng; Khuyến khích GV tăng cường làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ tự làm; Tăng cường công tác dự giờ đồng nghiệp trong trường và các trường bạn; Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán cho nhà trường; Thực hiện dạy học TV lớp 2 cho HS sử dụng PPDHSPTT Tăng cường giao lưu về chuyên môn giữa các trường, các cụm; Tăng cường tích hợp dạy TV trong các môn học, các hoạt động giáo dục; Tăng cường sự phối hợp với chính quyền địa phương, phụ huynh HS; Phối hợp với đội thanh niên tình nguyện.

*** Đối với giáo viên**

Cần thay đổi quan điểm, nhận thức, xác định rõ những khuyết thiếu, hạn chế về việc dạy học TV lớp 2; Cần trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, năng lực công tác; Nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng, chủ động trong việc trang bị thông tin, tri thức cho bản thân thông qua tài liệu; Phối hợp thực hiện các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng đổi mới; Phát huy tinh thần tự học của HS; Hiểu và nắm vững những khó khăn tâm lý của học sinh lớp 2 trong học TV. Sử dụng PPDHSPTT một cách có hiệu quả.

Tác giả của luận văn đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô và góp ý của các bạn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A (chủ biên) (1995), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục
2. Hoàng Hòa Bình (1998), *Dạy văn cho học sinh tiểu học*, Nxb Giáo dục
3. Nguyễn Duy Bình (1983), *Dạy văn dạy cái hay - cái đẹp*, Nxb Giáo dục, Tr 7,8,11.
4. Hoàng Hòa Bình (1998), *Dạy văn cho học sinh tiểu học*, Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Thanh Bình (1998), *Tổ chức hoạt động giáo dục theo phương pháp hợp tác*, Tạp chí nghiên cứu giáo dục - số 3.
6. Nguyễn Văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Cẩm Thanh, (2015), (bài báo), “Tương tác trong dạy học và dạy học tương tác”, Tạp chí khoa học số 2 ĐHSP Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Hướng dẫn số 3535/BGDĐT-GD, ngày 27 tháng 5 năm 2013 về việc *Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp "Bàn tay nặn bột" và các phương pháp dạy học tích cực khác*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), Dự án phát triển giáo viên tiểu học, “*Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*”, Nxb Giáo dục.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Quản lý chuyên môn ở trường tiểu học theo chương trình và sách giáo khoa mới*, Nxb Giáo dục.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Dự án Việt – Bỉ, Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tiếng Việt 2*, tập 1,2, Nxb Giáo dục.
13. Chỉ thị 14/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 về đổi mới giáo dục phổ thông.
14. Phạm Văn Dur – Lê Lưu Oanh (2004), *Giáo trình lí luận văn học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

15. Hà Nguyễn Kim Giang (2010), *Phương pháp đọc diễn cảm*, Nxb ĐHSPT Hà Nội.
16. Phạm Minh Hạc (1998), *Tâm lý học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Lê Bá Hán (chủ biên) (1998), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học SP Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Hạnh (2002), *Dạy đọc hiểu ở tiểu học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
19. Nguyễn Trọng Hoàn (2003), *Rèn luyện tư duy sáng tạo trong dạy học tác phẩm văn chương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Vũ Lệ Hoa, (1998), *Sử dụng Phương pháp sư phạm tương tác một biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của học sinh*, Tạp chí Giáo dục số 24.
21. Trần Thị Thanh Hồng (2007) (bài báo) Thiết kế bài học “Giáo viên và học sinh trong cơ chế dạy học văn ở nhà trường phổ thông” Thông tin khoa học và công nghệ, Trường Đại học Tây Bắc, số 7, Tr.26.
22. Trần Thị Thanh Hồng (2005), “Nâng cao chất lượng dạy môn Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học trong trường sư phạm gắn liền với thực tiễn”, Tạp chí - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Số 14, Tr 25, năm 2005, trung tâm học liệu ĐHSPTN.
23. Nguyễn Đức Minh (chủ biên),(2014), *Hướng dẫn Đánh giá năng lực của học sinh cuối cấp tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
24. Lê Phương Nga (chủ biên) (2011), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học I*, NXB Đại học sư phạm.
25. Lê Phương Nga (chủ biên) (2011), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II*, NXB Đại học sư phạm.
26. Lê Phương Nga (chủ biên) (2002), *Dạy học tập đọc ở tiểu học*, Nxb Giáo dục.

27. Nghị quyết số 02/NQ-TW tháng 12 năm 1996 của Ban chấp hành Trung ương đảng khoá VIII về *định hướng chiến lược Giáo dục và Đào tạo trong thời kì công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.*
28. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.*
29. Đào Ngọc (chủ biên) (1998), *Rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
30. Hoàng Phê (chủ biên) (2011), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng
31. Quyết định của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt “*Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*” số 201/2001/ QĐ - TTg ngày 28/10/2001.
32. Sách giáo viên (2002, 2003, 2004, 2005, 2006), *Tiếng Việt* (tiểu học từ lớp 2 đến lớp 5), tập 1,2, Nxb Giáo dục.
- 33 . Bùi Minh Toán (chủ biên) (1998), *Tiếng Việt*, tập 3, Nxb Giáo dục.
34. Nhiều tác giả, *Hỏi đáp về dạy học Tiếng Việt 2 và dạy học từ ngữ trong sách giáo khoa Tiếng Việt*, Tạp chí Thế giới trong ta số 199.

PHỤ LỤC

Phiếu 1: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho giáo viên)

Để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài “*Sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La*”, chúng tôi xin gửi đến các thầy/cô đang làm công tác giảng dạy phiếu xin ý kiến. Rất mong nhận được sự hợp tác của thầy/cô.

Trân trọng cảm ơn!

* Thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

- Họ tên:.....Tuổi.....Nam/nữ.....

- Trình độ chuyên môn:.....

- Đang công tác tại Trường Tiểu học:.....

* Mời thầy/cô vui lòng đánh dấu (X) vào ô tương ứng với mức độ mà thầy/cô lựa chọn:

Câu 1: Theo thầy/cô phương pháp sư phạm tương tác được hiểu là:

TT	Nội dung lựa chọn	SL GV được K/S	Đồng ý	Không đồng ý
1	Phương pháp tương tác giữa người dạy và người học			
2	Phương pháp tương tác giữa người học và người học			
3	Phương pháp tương tác giữa người dạy và môi trường dạy học			
4	Phương pháp tương tác giữa người học và môi trường học tập			

Câu 2. Cảm nhận chung của thầy/cô về tầm quan trọng của việc sử dụng phương pháp sư phạm tương tác trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 2

STT	Tầm quan trọng của việc sử dụng phương pháp sư phạm tương tác	Đồng ý	Không đồng ý	Rất đồng ý
1	Vô cùng quan trọng			
2	Rất quan trọng			
3	Quan trọng			
4	Không quan trọng			
5	Hoàn toàn không ảnh hưởng gì			

Câu 3. Trong dạy học môn TV ở lớp 2, thầy/cô thường sử dụng các PPDH nào dưới đây?

TT	Phương pháp dạy học	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
1	PPDH thảo luận nhóm			
2	Phương pháp luyện tập theo mẫu			
3	Phương pháp đàm thoại			
4	Phương pháp thực hành			
5	Phương pháp tổ chức trò chơi			

Phiếu 2: PHİẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học sinh)

Để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài “*Sử dụng PPSPTT trong dạy học TV cho HS lớp 2 Trường Tiểu học Tô Hiệu, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La*”, chúng tôi gửi phiếu này đến các em học sinh lớp 2 để xin ý kiến. Rất mong nhận được sự hợp tác của các em.

*** Em hãy vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:**

- Họ tên:..... Tuổi:..... Nam/nữ:.....

- Học sinh lớp:..... Trường Tiểu học:.....

* Mời em vui lòng đánh dấu (X) vào ô tương ứng với mức độ mà em lựa chọn:

Câu 1. Em có thích học môn Tiếng Việt không?

STT	Tiêu chí lựa chọn	Đồng ý	Không đồng ý
1	Rất thích		
2	Thích		
3	Bình thường		
4	Không thích		

Câu 2. Theo em học môn TV dễ hay khó?

STT	Nội dung lựa chọn	Đồng ý	Không đồng ý
1	Rất khó		
2	Khó		
3	Bình thường		
4	Dễ		

Phiếu 4:

PHIẾU BÀI TẬP

SỬ DỤNG TRONG DẠY THỰC NGHIỆM

Bài Tập làm văn: Chia vui kể về anh chị em (Trang 90 TV 2)

Hãy trao đổi với bạn để viết lời chào của Nam trong giai đoạn hội thoại sau rồi cùng bạn phân vai để nói trong tình huống đó.

(1) - Khi ai đó gặp chuyện buồn, chúng ta phải làm gì? Nói lời chia buồn hay an ủi gì?

-

- Vậy khi người khác hạnh phúc, chúng ta sẽ nói gì?

-

(2) - Bạn Nam chúc mừng chị Liên được giải nhì trong kì thi HS giỏi của tỉnh như thế nào?

-

- Chị Liên vui như thế nào?

-

(3) - Em sẽ nói gì khi bạn đạt thành tích cao trong học tập?

-

- Khi bạn em được cô giáo khen?

-

Giáo án thực nghiệm

Bài Tập đọc Chim rừng tây nguyên của tác giả Thiên Hương

(trang 34 TV2)

I. Mục tiêu

Về kiến thức HS: Đọc lưu loát được cả bài, đọc đúng các từ khó dễ lẫn do ảnh hưởng của phương ngữ. Nghỉ hơi đúng sau dấu chấm, dấu phẩy giữa các cụm từ. Hiểu được ý nghĩa của các từ mới : Chao lượn, rợp, hoà âm, thanh mảnh.

II. Đồ dùng dạy học

Đồ dùng dạy học được sử dụng trong bài gồm tranh minh họa...., phiếu hướng dẫn..., bảng phụ - Tranh minh họa SGK, ...

III. Phương pháp

- Phương pháp trực quan
- Phương pháp cụ thể hoá sản phẩm của HS
- Phương pháp thực hành giao tiếp
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp trò chơi.

VI. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
a. Kiểm tra bài cũ - Kiểm tra 2 em đọc bài cũ	- Trả lời câu hỏi giáo viên
b. Dạy bài mới - Giới thiệu bài: GV treo tranh minh họa giới thiệu bài - GV đọc mẫu cả bài - GV hướng dẫn HS đọc - Cho HS đọc câu nối tiếp theo hàng	- HS đọc

<p>đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi từ dễ lẫn lên bảng cho HS luyện (Mặt nước, y-rơ-pao, rúi rít, lượn, nhào lộn, trắng muốt) - Cho HS luyện đọc từ dễ lẫn. Kết hợp giải nghĩa từ khó từ trong chú giải * Luyện đọc đoạn - GV chia đoạn (2 đoạn) Từ đầu đến “lần xuống” một đoạn Đoạn 2: Còn lại - Cho HS đọc nối tiếp đoạn trong bài (Đọc theo hàng ngang) - GV treo bảng phụ đã viết sẵn đoạn văn dài trong đoạn 2 lên bảng và hướng dẫn HS đọc - GV đọc mẫu. Yêu cầu HS đọc và phát hiện ra chỗ ngắt, nghỉ của đoạn văn, từ cần nhấn giọng, giáo viên dùng phấn khác màu vạch chỗ ngắt trong đoạn văn và từ cần nhấn giọng. * Tìm hiểu bài: - Cho HS đọc thầm 1 đoạn và trả lời câu? ?Hồ Y - rơ- Pao có những loài chim gì? ?Tìm những từ ngữ tả hành động, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc Cá nhân, cả lớp đọc đồng thanh - HS đọc - HS đọc - HS đọc yêu cầu của GV - HS đọc và trả lời -Đại bàng, Thiên nga, chim Kơ Púc
--	--

<p>màu sắc, tiếng kêu, hoạt động của chúng?</p> <p>Cho HS đọc đoạn 2 và trả lời câu hỏi: ?Với đủ các loài chim hồ Y - rơ - pao vui nhộn như thế nào ?Con thích nhất cảnh đẹp nào ở hồ Y-rơ-pao</p> <p>Cho một vài em đọc to cả bài văn ? Bài văn tả về nội dung gì? (GV chốt như yêu cầu)</p> <p>Cho HS đọc nội dung bài (GV treo nội dung lên bảng)</p> <p>4. Luyện đọc lại:</p> <p>- GV đọc lại bài lần 2</p> <p>Gọi HS đọc cá nhân (Đánh giá cho điểm) (Có thể HS đọc 1 hoặc 2 câu, đoạn, bài tùy theo năng lực của các em) Trong quá trình theo dõi HS đọc GV cần chú ý nghe chính xác các phụ âm khi mà HS hay đọc sai để sửa cho các em ngay khi đọc sai.</p> <p>Cho HS đọc theo nhóm và thi giữa các nhóm (GV cho HS nhận xét phần thi đọc giữa các nhóm GV nhận xét</p>	<p>-Đại bàng: Chân vàng, mỏ đỏ, tiếng vi vu, vi vút. Thiên nga: Trắng muốt đang bơi lội. Chim kơ púc : Minh đỏ chót và nhỏ như quả ớt</p> <p>- HS đọc và trả lời</p> <p>-Tiếng hót ríu rít, rộn vang cả mặt nước</p> <p>- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân</p> <p>- Cá nhân đọc</p> <p>- Nhóm đọc</p>
---	---

<p>đánh giá tuyên dương cho điểm giữa các nhóm)</p> <p>Cho 2 em đọc cả bài</p> <p>?Con có nhận xét gì về chim rừng Tây Nguyên</p> <p>5. củng cố dặn dò:</p> <p>Về nhà luyện đọc nhiều lần bài văn và chuẩn bị bài giờ sau học</p>	<p>- HS đọc</p>
---	-----------------

Giáo án thực nghiệm

Bài Tập làm văn: chia vui kể về anh chị em (Trang 90 TV2)

I. Mục tiêu của bài học:

- Rèn luyện cho HS kỹ năng nghe và nói. HS biết nói lời chia vui (chúc mừng) hợp tình huống giao tiếp (BT1, BT2), biết được những tình cảm đẹp đẽ trong gia đình; rèn kỹ năng viết đoạn văn ngắn kể về anh, chị, em. (BT3); Hiểu được tình cảm tốt đẹp trong gia đình; Thể hiện sự cảm thông, xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, từ đó HS có ý thức trân trọng tình cảm anh chị em trong gia đình

II. Đồ dùng dạy học

- Đồ dùng dạy học được sử dụng trong bài gồm: Tranh minh họa bài tập 1, Bảng phụ, bút dạ, phiếu hướng dẫn, Một số tình huống để HS nói lời chia vui.

III. Phương pháp

- Phương pháp dạy học theo nhóm
- Phương pháp thực hành luyện tập;
- Phương pháp trò chơi học tập;
- Phương pháp hỏi đáp,
- Phương pháp giải quyết vấn đề.

VI. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
a. Khởi động: Cho HS hát	- HS hát
b. Bài cũ: - Quan sát tranh - trả lời câu hỏi - Viết tin nhắn - Gọi HS đọc bài tập 2 của mình (3 HS đọc tin nhắn)	- HS quan sát tranh trả lời

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét ghi điểm từng HS - Bạn nhận xét c. Bài mới: *Khám phá - Khi ai đó gặp chuyện buồn, chúng ta phải làm gì? Nói lời chia buồn hay an ủi gì? - Vậy khi người khác hạnh phúc, chúng ta sẽ nói gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết điều đó. * Kết nối: - Bài 1: - Treo bức tranh và hỏi trẻ bức tranh vẽ cảnh gì? - Gọi 1 HS đọc yêu cầu - Bạn Nam chúc mừng chị Liên được giải nhì trong kì thi HS giỏi của tỉnh. Hãy nhắc lại lời của Nam. - Đạt giải nhì trong kì thi học HS giỏi của tỉnh - Chị Liên có niềm vui gì? - Nam cũng thấy rất là vui - Khi chị Liên vui, Nam cũng cảm thấy như thế nào? - Nam chúc mừng chị Liên như thế nào? - Em sẽ thấy rất là vui - Nếu là em trong trường hợp của Nam, em có 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS quan sát tranh và trả lời: - Bé trai ôm hoa tặng chị - HS đọc - HS trả lời theo câu hỏi - Tặng hoa và nói: Em chúc mừng chị. Chúc chị sang năm được giải nhất - HS trả lời
--	--

<p>cũng sẽ chúc mừng chị của mình như bạn Nam. Cảm nghĩ như thế nào?</p> <p>*Kết luận: Chị em trong gia đình phải biết thương yêu, cảm thông, chia sẻ với nhau những buồn vui trong cuộc sống</p> <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài - 3 đến 5 HS nhắc lại - Nếu là em, em sẽ nói gì với chị Liên để chúc - HS nói lời của mình. mừng chị <p>- Tổ chức cho HS thực hành sắm vai theo cặp nói lời chúc mừng chị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. - Hãy viết từ 3 đến 4 câu kể <p>Bài 3:</p> <p>Gọi 1 HS đọc yêu cầu về anh, chị, em ruột (hoặc anh, chị, em họ) của em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS thực hiện kể về anh, chị, em của mình cho các bạn nghe - GV nhận xét cùng nghe - Phải biết thương yêu, đoàn kết, cảm thông, chia sẻ với nhau những buồn vui - Anh, chị, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nói lời của mình. mừng chị - Em xin chúc mừng chị./ Chúc chị học giỏi hơn nữa./ Mong chị đạt thành tích cao hơn./ Em rất khâm phục chị./ - HS thể hiện <p>-HS kể</p> <p>-HS lắng nghe</p>
---	--

